Ký bởi: BỘ QUỐC PHÒNG
Ngày ký: 25-02-2026
15:22:12 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước

Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT/BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội , Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2006 được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT/BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 3 năm 2008.

2. Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2024.

3. Thông tư số 103/2025/TT-BQP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Căn cứ Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước; sau khi có ý kiến thống nhất của các Bộ, ngành: Bộ Nội vụ, Bộ Công an, Ban Tổ chức Trung ương, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt

Nam, Liên Bộ Quốc phòng - Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:[1]

---

[1] Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT/BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2008 sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg) về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước (sau đây gọi tắt là Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg), Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2005 (sau đây gọi tắt là Thông tư số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC) như sau:"

Thông tư số 104/2024/TT-BQP thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Căn cước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 tháng 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ- CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính."

Thông tư số 103/2025/TT-BQP ngày 26 tháng 9 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 209/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Quốc phòng;

Phần I

ĐỐI TƯỢNG VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

I. CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP MỘT LẦN ĐỐI VỚI QUÂN NHÂN [2] CÔNG NHÂN VIÊN CHỨC TRỰC TIẾP THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CHƯA HƯỞNG CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH[3]

Căn cứ Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách."

[2] Cụm từ "công an nhân dân" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

[3] Mục này được bổ sung như sau: "Đối với đối tượng nêu tại khoản 1, 2 mục I, nếu có thời gian đã được tính hưởng các chế độ một lần theo quy định tại Nghị định số 23/1999/NĐ-CP ngày 15/4/1999 của Chính phủ hoặc Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì lấy tổng thời gian được hưởng chế độ trừ đi thời gian đã hưởng chế độ một lần trước đó (kể cả thời gian đã được làm tròn). Thời gian còn lại được tính theo mức hưởng quy định.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, nhập ngũ tháng 4/1967 là hạ sỹ quan, chiến sỹ, đến tháng 9/1972 được bổ nhiệm B bậc phó; từ khi nhập ngũ đến 30/4/1975, ông chiến đấu ở chiến trường miền Nam, không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng ở miền Bắc. Ông Nguyễn Văn A đã được tính hưởng chế độ một lần cho thời gian ông là người hưởng lương từ tháng 9/1972 đến 30/4/1975 là 2 năm 8 tháng (theo quy định tại Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg).

Cách tính bổ sung hưởng chế độ một lần của ông Nguyễn Văn A theo quy định tại Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg như sau:

- Tổng thời gian tham gia kháng chiến chống Mỹ ở chiến trường miền Nam từ tháng 4/1967 đến 30/4/1975 là 8 năm 1 tháng.
- Thời gian đã được tính hưởng chế độ một lần của người hưởng lương từ tháng 9/1972 đến tháng 4/1975 là 2 năm 8 tháng (đã được tính là 3 năm)
- Thời gian tính hưởng chế độ một lần còn lại là 5 năm 1 tháng (8 năm 1 tháng trừ đi 3 năm).
- Số tiền được hưởng là: 5 năm 1 tháng được tính là 5,5 năm x 500.000 đồng = 2.750.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm, năm mươi nghìn đồng)

Ví dụ 2: Ông Nguyễn Văn B, tham gia du kích thôn từ tháng 2/1957 đến 5/1962, từ tháng 6/1962 đến 10/1967 chuyển sang du kích xã tham gia kháng chiến chống Mỹ ở chiến trường miền Nam. Ông đã được tính hưởng chế độ của thời gian tham gia du kích xã từ tháng 6/1962 đến 10/1967 là 5 năm 5 tháng (theo quy định tại Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg).

Cách tính bổ sung hưởng chế độ trợ cấp một lần của ông Nguyễn Văn B theo quy định tại Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg như sau:

- Tổng thời gian tham gia du kích từ tháng 2/1957 đến 10/1967 là 10 năm 9 tháng.
- Thời gian tham gia du kích xã đã được tính hưởng chế độ là 5 năm 5 tháng (đã được tính là 5,5 năm = 5 năm 6 tháng).
- Thời gian được tính hưởng chế độ một lần còn lại là 5 năm 3 tháng (10 năm 9 tháng trừ đi 5 năm 6 tháng).
- Số tiền được hưởng là: 5 năm 3 tháng được tính là 5,5 năm x 400.000 đồng = 2.200.000 đồng (Hai triệu, hai trăm nghìn đồng)

Ví dụ 3: Ông Trần Văn C, tham gia dân quân tập trung thuộc xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, từ tháng 6/1958 đến tháng 2/1971 về gia đình. Ông đã được tính hưởng chế độ trợ cấp một lần của thời gian tham gia dân quân tập trung từ tháng 8/1964 đến 2/1971 là 6 năm 7 tháng (theo quy định tại Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg).

1. Đối tượng và điều kiện

1.1[4]. Đối tượng áp dụng

Quân nhân, cán bộ, công nhân viên chức nhà nước, công nhân viên chức quốc phòng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở chiến trường B, C, K trong khoảng thời gian từ ngày 20 tháng 7 năm 1954 đến 30 tháng 4 năm 1975, về gia đình từ ngày 31 tháng 12 năm 1976 trở về trước, chưa được hưởng một trong các chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc, bệnh binh, mất sức lao động hằng tháng và chế độ hưu trí hằng tháng.

1.2. Đối tượng không áp dụng:

a) Những người đã về gia đình sau đó tiếp tục thoát ly mà thời gian tham gia kháng chiến đã được tính hưởng chế độ.

b) Những người phản bội, đầu hàng địch, đào ngũ, người vi phạm kỷ luật bị tước danh hiệu quân nhân[5].

Tính đến ngày Quyết định 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực thi hành mà người đang chấp hành án tù chung thân hoặc bị kết án một trong các tội về xâm phạm an ninh quốc gia mà chưa được xóa án tích.

c) Người ra nước ngoài và ở lại nước ngoài bất hợp pháp.

d) Đối tượng đã từ trần nhưng không còn vợ hoặc chồng; bố đẻ, mẹ đẻ; bố nuôi, mẹ nuôi; con đẻ, con nuôi.

2. Chế độ được hưởng

2.1. Cách tính thời gian hưởng chế độ:

Cách tính bổ sung hưởng chế độ trợ cấp một lần của Ông Trần văn C theo quy định tại Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg như sau:

- Tổng thời gian tham gia dân quân tập trung chống Mỹ cứu nước từ tháng 6/1958 đến tháng 2/1971 là 12 năm 9 tháng.

- Thời gian đã được tính hưởng chế độ trợ cấp một lần từ tháng 8/1964 đến 2/1971 (theo quy định tại Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg) là 6 năm 7 tháng (đã được tính là 7 năm).

- Thời gian được tính hưởng chế độ trợ cấp một lần còn lại là 5 năm 9 tháng (12 năm 9 tháng trừ đi 7 năm).

- Số tiền được hưởng là: 5 năm 9 tháng được tính là 6 năm x 400.000 đồng = 2.400.000 đồng (Hai triệu, bốn trăm nghìn đồng)." theo quy định tại khoản 1 Mục II của Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT/BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2008 sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 3 năm 2008.

[4] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

[5] Cụm từ "danh hiệu công an nhân dân" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

a) Thời gian được tính hưởng chế độ là thời gian công tác thực tế, bao gồm thời gian tham gia quân đội [6]cán bộ dân chính đảng trong khoảng từ 20/07/1954 đến 31/12/1976.

b) Trường hợp có thời gian tham gia dân quân, du kích tập trung sau đó phát triển thành bộ đội, [7]công nhân viên chức thì được tính cả thời gian tham gia dân quân, du kích tập trung để tính hưởng chế độ.

c) Đối tượng có thời gian công tác thực tế nếu gián đoạn có lý do chính đáng thì được cộng dồn để hưởng chế độ.

d) Thời gian công tác thực tế được tính hưởng chế độ, nếu có tháng lẻ thì đủ 6 tháng trở lên được tính là một năm, dưới 6 tháng được tính là nửa năm (1/2 năm).

2.2. Mức hưởng chế độ trợ cấp một lần:

a) Đối tượng có thời gian hưởng chế độ từ đủ 2 năm trở xuống, mức hưởng là 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng).

b) Đối tượng có thời gian hưởng chế độ trên 2 năm, mức hưởng được tính theo công thức sau:

Mức hưởng = số năm được tính hưởng x 600.000 đ

Ví dụ 1: Ông APun cư trú ở tỉnh Kon Tum, nhập ngũ tháng 6/1968 thuộc đơn vị X, tháng 11/1975 tự về gia đình, chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Cách tính thời gian của ông APun để hưởng trợ cấp một lần như sau:

Từ tháng 6/1968 đến tháng 11/1975 bằng 7 năm 6 tháng (tính là 8 năm).

- Mức hưởng chế độ trợ cấp một lần của ông APun là:

8 năm x 600.000 đ = 4.800.000 đồng.

Ví dụ 2: Bà Nguyễn Thị H, quê Bến Tre, tháng 8/1962 tham gia cách mạng, công tác tại chính quyền cách mạng tỉnh Bến Tre; đến tháng 12/1968 bà H lâm bệnh và phải đi điều trị tại bệnh viện, sau khi khỏi bệnh tự về gia đình, không tiếp tục tham gia công tác trong chính quyền cách mạng, bà H chưa hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Cách tính thời gian của bà H để hưởng trợ cấp một lần như sau:

Từ tháng 8/1962 đến tháng 12/1968 bằng 6 năm 5 tháng (tính là 6,5 năm).

---

[6] Cụm từ "công an" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

[7] Cụm từ "công an" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Mức hưởng chế độ trợ cấp một lần của bà H là:

6,5 năm x 600.000 đ = 3.900.000 đồng.

2.3. Đối với đối tượng nêu tại khoản 1, 2 mục I, nếu có thời gian đã được tính hưởng các chế độ một lần theo quy định tại Nghị định số 23/1999/NĐ-CP ngày 15/4/1999 của Chính phủ hoặc Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì lấy tổng thời gian được hưởng chế độ trừ đi thời gian đã hưởng chế độ một lần trước đó (kể cả thời gian đã được làm tròn). Thời gian còn lại được tính theo mức hưởng quy định.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, nhập ngũ tháng 4/1967 là hạ sỹ quan, chiến sỹ, đến tháng 9/1972 được bổ nhiệm B bậc phó; từ khi nhập ngũ đến 30/4/1975, ông chiến đấu ở chiến trường miền Nam, không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng ở miền Bắc. Ông Nguyễn Văn A đã được tính hưởng chế độ một lần cho thời gian ông là người hưởng lương từ tháng 9/1972 đến 30/4/1975 là 2 năm 8 tháng (theo quy định tại Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg).

Cách tính bổ sung hưởng chế độ một lần của ông Nguyễn Văn A theo quy định tại Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg như sau:

- Tổng thời gian tham gia kháng chiến chống Mỹ ở chiến trường miền Nam từ tháng 4/1967 đến 30/4/1975 là 8 năm 1 tháng.

- Thời gian đã được tính hưởng chế độ một lần của người hưởng lương từ tháng 9/1972 đến tháng 4/1975 là 2 năm 8 tháng (đã được tính là 3 năm)

- Thời gian tính hưởng chế độ một lần còn lại là 5 năm 1 tháng (8 năm 1 tháng trừ đi 3 năm).

- Số tiền được hưởng là: 5 năm 1 tháng được tính là 5,5 năm x 500.000 đồng = 2.750.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm, năm mươi nghìn đồng)

Ví dụ 2: Ông Nguyễn Văn B, tham gia du kích thôn từ tháng 2/1957 đến 5/1962, từ tháng 6/1962 đến 10/1967 chuyển sang du kích xã tham gia kháng chiến chống Mỹ ở chiến trường miền Nam. Ông đã được tính hưởng chế độ của thời gian tham gia du kích xã từ tháng 6/1962 đến 10/1967 là 5 năm 5 tháng (theo quy định tại Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg).

Cách tính bổ sung hưởng chế độ trợ cấp một lần của ông Nguyễn Văn B theo quy định tại Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg như sau:

- Tổng thời gian tham gia du kích từ tháng 2/1957 đến 10/1967 là 10 năm 9 tháng.

- Thời gian tham gia du kích xã đã được tính hưởng chế độ là 5 năm 5 tháng (đã được tính là 5,5 năm = 5 năm 6 tháng).

- Thời gian được tính hưởng chế độ một lần còn lại là 5 năm 3 tháng (10 năm 9 tháng trừ đi 5 năm 6 tháng).

- Số tiền được hưởng là: 5 năm 3 tháng được tính là 5,5 năm x 400.000 đồng = 2.200.000 đồng (Hai triệu, hai trăm nghìn đồng)

Ví dụ 3: Ông Trần Văn C, tham gia dân quân tập trung thuộc xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, từ tháng 6/1958 đến tháng 2/1971 về gia đình. Ông đã được tính hưởng chế độ trợ cấp một lần của thời gian tham gia dân quân tập trung từ tháng 8/1964 đến 2/1971 là 6 năm 7 tháng (theo quy định tại Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg).

Cách tính bổ sung hưởng chế độ trợ cấp một lần của Ông Trần Văn C theo quy định tại Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg như sau:

- Tổng thời gian tham gia dân quân tập trung chống Mỹ cứu nước từ tháng 6/1958 đến tháng 2/1971 là 12 năm 9 tháng.

- Thời gian đã được tính hưởng chế độ trợ cấp một lần từ tháng 8/1964 đến 2/1971 (theo quy định tại Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg) là 6 năm 7 tháng (đã được tính là 7 năm).

- Thời gian được tính hưởng chế độ trợ cấp một lần còn lại là 5 năm 9 tháng (12 năm 9 tháng trừ đi 7 năm).

- Số tiền được hưởng là: 5 năm 9 tháng được tính là 6 năm x 400.000 đồng = 2.400.000 đồng (Hai triệu, bốn trăm nghìn đồng).

II. CHẾ ĐỘ MỘT LẦN ĐỐI VỚI HẠ SĨ QUAN, CHIẾN SĨ QUÂN ĐỘI [8] THANH NIÊN XUNG PHONG HƯỞNG LƯƠNG, CÁN BỘ DÂN CHÍNH ĐẢNG, THAM GIA CHIẾN ĐẤU, HOẠT ĐỘNG Ở CÁC CHIẾN TRƯỜNG B, C, K[9]

1. Đối tượng và điều kiện

1.1. Đối tượng áp dụng:

---

[8] Cụm từ "công an" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

[9] Mục này được bổ sung như sau: "Trường hợp đối tượng có quá trình tham gia kháng chiến chống Mỹ ở chiến trường B, C, K vừa là dân quân, du kích; vừa là hạ sĩ quan, chiến sỹ, sĩ quan hoặc người hưởng lương; vừa là cán bộ xã (phường) hoặc thuộc hai loại đối tượng này trở lên, thì tính hưởng chế độ cho từng giai đoạn công tác theo mức hưởng tương ứng theo hướng dẫn tại Mục II, III, Phần I của Thông tư số 191/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC. Cách tính cụ thể như sau:

- Phân thời gian tham gia kháng chiến chống Mỹ thành 2 nhóm: Nhóm thời gian tham gia dân quân, du kích và nhóm thời gian tham gia kháng chiến còn lại thuộc đối tượng hưởng chế độ B, C, K.

- Lấy tổng thời gian từng nhóm trừ đi thời gian đã tính hưởng chế độ trước đó theo loại đối tượng tương ứng theo cách tính tại khoản 1 nêu trên.

- Sau đó tính hưởng chế độ của thời gian còn lại theo từng nhóm và cộng dồn số tiền được hưởng.Trường hợp những người thuộc đối tượng hưởng chế độ B, C, K đã hy sinh, thời gian tính hưởng chế độ tương ứng với thời gian tham gia kháng chiến chống Mỹ." theo quy định tại khoản 2 Mục II của Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT/BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2008 sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 3 năm 2008.

Hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội nhân dân [10] tham gia chiến đấu, hoạt động ở các chiến trường B, C, K sau đó trở thành người hưởng lương, thanh niên xung phong hưởng lương từ ngân sách nhà nước, cán bộ dân chính đảng hoạt động cách mạng ở các chiến trường B, C, K từ ngày 30/04/1975 trở về trước, không có thân nhân chủ yếu (vợ hoặc chồng; bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi; con đẻ, con nuôi hợp pháp) phải trực tiếp nuôi dưỡng ở miền Bắc để nhận trợ cấp B, C, K. Cụ thể là:

a) Hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội nhân dân [11](diện hưởng sinh hoạt phí) quá trình chiến đấu, phục vụ chiến đấu, công tác ở chiến trường phát triển thành người hưởng lương từ ngày 30/04/1975 trở về trước, bao gồm:

- Người được bổ nhiệm giữ chức từ trung đội phó trở lên;

- Người được đề bạt cấp bậc từ Chuẩn úy hoặc trung đội bậc phó trở lên;

- Người được chuyển thành quân nhân chuyên nghiệp; sĩ quan, hạ sĩ quan hưởng lương [12] hoặc cán bộ, công nhân viên chức Nhà nước, công nhân viên chức quốc phòng [13] hoặc cán bộ dân chính đảng ở miền Nam.

b) Thanh niên xung phong hưởng lương từ ngân sách Nhà nước được cử vào chiến trường B, C, K, hoặc khi đi chiến trường hưởng sinh hoạt phí sau đó trở thành người hưởng lương trong chiến trường từ ngày 30/04/1975 trở về trước.

c) Cán bộ dân chính đảng ở miền Nam thoát ly hoạt động cách mạng tại các chiến trường B, C, K trong khoảng thời gian từ tháng 7/1954 đến 30/04/1975 do các tổ chức Đảng, chính quyền cách mạng từ cấp huyện (quận) trở lên quản lý.

d)[14] Hạ sĩ quan, chiến sỹ quân đội [15] tham gia chiến đấu và hoạt động tại chiến trường B, C, K trong khoảng thời gian từ tháng 7/1954 đến 30/4/1975, nhưng không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng ở miền Bắc;

---

[10] Cụm từ "công an nhân dân" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

[11] Cụm từ "công an nhân dân" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

[12] Cụm từ "công an nhân dân" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

[13] Cụm từ "công an" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

[14] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Mục I của Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT/BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2008 sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2005 của Bộ Quốc

đ)[16] Cán bộ xã (phường) hoạt động ở miền Nam, trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước trong khoảng thời gian từ tháng 7/1954 đến 30/4/1975.

1.2. Đối tượng không áp dụng:

a) Những người đã hưởng chế độ một lần theo quy định tại Nghị định số 23/1999/NĐ-CP ngày 15/04/1999 của Chính phủ về chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B, C, K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng, cán bộ được Đảng cử ở lại miền Nam sau hiệp định Giơnevơ năm 1954; những người đã hưởng chế độ một lần theo quy định tại Quyết định số 104/1999/QĐ-TTg ngày 14/04/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.

b) Hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội [17]thanh niên xung phong, cán bộ dân chính đảng công tác, chiến đấu ở các chiến trường B, C, K thuộc đối tượng nêu trên nhưng có thân nhân chủ yếu (bố đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi hợp pháp) phải trực tiếp nuôi dưỡng ở miền Bắc.

c) Quân nhân [18] thanh niên xung phong hoạt động ở chiến trường B, C, K nhưng hưởng sinh hoạt phí.

d) Các trường hợp tương tự nêu tại điểm b, c, d tiết 1.2 khoản 1, Mục I, Phần I Thông tư này.

2. Chế độ được hưởng

2.1. Cách tính thời gian hưởng chế độ:

---

phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 3 năm 2008.

[15] Cụm từ "công an nhân dân" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

[16] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Mục I của Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT/BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2008 sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 3 năm 2008.

[17] Cụm từ "công an" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

[18] Cụm từ "công an" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

a) Thời gian được tính hưởng chế độ là thời gian thực tế công tác, chiến đấu thuộc diện hưởng lương tại chiến trường B, C, K trong khoảng từ 20/07/1954 đến 30/04/1975, cụ thể như sau:

- Đối với quân nhân[19] thời gian tính hưởng là thời gian được hưởng lương từ ngày 30/04/1975 trở về trước;

- Đối với thanh niên xung phong hưởng lương, thời gian tính hưởng kể từ khi đi chiến trường hoặc thời gian được hưởng lương đối với người khi đi chiến trường hưởng sinh hoạt phí từ ngày 30/04/1975 trở về trước;

- Đối với cán bộ dân chính đảng ở miền Nam, thời gian tính hưởng kể từ ngày thoát ly tham gia cách mạng trong khoảng từ tháng 7/1954 đến 30/04/1975.

b) Người có thời gian chiến đấu, công tác hưởng lương tại các chiến trường khác nhau hoặc có thời gian hoạt động ở các lĩnh vực, cương vị khác nhau hoặc có thời gian gián đoạn thì được cộng dồn để tính hưởng chế độ.

c) Những người trong quá trình chiến đấu, công tác ở chiến trường B, C, K, trong thời kỳ hưởng lương nếu được tổ chức bố trí ra miền Bắc công tác, học tập, điều trị, điều dưỡng dưới 1 năm, sau đó trở lại chiến trường thì khoảng thời gian ở miền Bắc này vẫn được tính để hưởng chế độ một lần;

Nếu thời gian học tập, công tác, điều trị, điều dưỡng ở miền Bắc từ 1 năm (12 tháng) trở lên thì thời gian ở miền Bắc không được tính hưởng chế độ một lần.

d) Thời gian công tác thực tế được tính hưởng chế độ, nếu có tháng lẻ, được tính như quy định tại điểm d tiết 2.1 khoản 2, Mục I, Phần I Thông tư này.

2.2. Mức hưởng chế độ một lần:

a) Đối tượng có thời gian tính hưởng chế độ từ đủ 2 năm trở xuống, mức hưởng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

b) Đối tượng có thời gian tính hưởng chế độ trên 2 năm, mức hưởng được tính theo công thức sau:

Mức hưởng = số năm được tính hưởng x 500.000 đ

Ví dụ 3: Ông Huỳnh Văn A là hạ sĩ quan (hưởng sinh hoạt phí), tháng 6/1964 vào chiến trường; đến tháng 11/1968, ông A được quyết định là B bậc phó (hưởng lương); đến tháng 4/1974 ông A được ra Bắc điều dưỡng, tháng 10/1974 ông A trở lại chiến trường B cho đến 30/04/1975; không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng ở miền Bắc.

- Cách tính thời gian của ông A để hưởng chế độ một lần như sau:

---

[19] Cụm từ "công an nhân dân" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Từ tháng 11/1968 đến tháng 4/1975, bằng 6 năm 6 tháng (tính là 7 năm).

- Mức hưởng chế độ một lần của ông A là:

7 năm x 500.000 đ = 3.500.000 đồng.

Ví dụ 4: Bà Cao Thị B là cán bộ, công tác tại huyện ủy huyện R từ tháng 11/1960, không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng ở miền Bắc; tháng 3/1971 bà B được ra miền Bắc học tập và không trở lại chiến trường.

- Cách tính thời gian của bà B để hưởng chế độ một lần như sau:

Từ tháng 11/1960 đến tháng 3/1971, bằng 10 năm 5 tháng (tính là 10,5 năm).

- Mức hưởng chế độ một lần của bà B là:

10,5 năm x 500.000 đ = 5.250.000 đồng.

Ví dụ 5: Bà Võ Thị C là người hưởng lương, tham gia thanh niên xung phong từ tháng 5/1968. Tháng 11/1973 được cử vào miền Nam phục vụ chiến đấu cho đến 30/04/1975; không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng ở miền Bắc.

- Cách tính thời gian của bà B để hưởng chế độ một lần như sau:

Từ tháng 11/1973 đến tháng 4/1975, bằng 1 năm 6 tháng.

- Mức hưởng chế độ một lần của bà C là: 1.000.000 đồng

2. 3. Trường hợp đối tượng có quá trình tham gia kháng chiến chống Mỹ ở chiến trường B, C, K vừa là dân quân, du kích; vừa là hạ sĩ quan, chiến sỹ, sĩ quan hoặc người hưởng lương; vừa là cán bộ xã (phường) hoặc thuộc hai loại đối tượng này trở lên, thì tính hưởng chế độ cho từng giai đoạn công tác theo mức hưởng tương ứng theo hướng dẫn tại Mục II, III, Phần I Thông tư số 191/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC. Cách tính cụ thể như sau:

- Phân thời gian tham gia kháng chiến chống Mỹ thành 2 nhóm: Nhóm thời gian tham gia dân quân, du kích và nhóm thời gian tham gia kháng chiến còn lại thuộc đối tượng hưởng chế độ B, C, K.

- Lấy tổng thời gian từng nhóm trừ đi thời gian đã tính hưởng chế độ trước đó theo loại đối tượng tương ứng theo cách tính tại khoản 1 nêu trên.

- Sau đó tính hưởng chế độ của thời gian còn lại theo từng nhóm và cộng dồn số tiền được hưởng.

2.4. Trường hợp những người thuộc đối tượng hưởng chế độ B, C, K đã hy sinh, thời gian tính hưởng chế độ tương ứng với thời gian tham gia kháng chiến chống Mỹ.

III. CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP MỘT LẦN ĐỐI VỚI DÂN QUÂN TẬP TRUNG Ở MIỀN BẮC, DU KÍCH TẬP TRUNG Ở MIỀN NAM (BAO GỒM CẢ LỰC LƯỢNG MẬT) ĐÃ VỀ GIA ĐÌNH

1. Đối tượng và điều kiện

1.1. Đối tượng áp dụng:

a) Dân quân ở miền Bắc được tổ chức thành đơn vị tập trung, thường xuyên, trực tiếp làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu do cấp huyện, tỉnh tổ chức, quản lý hoặc giao cho cấp xã quản lý nhưng được tổ chức theo yêu cầu tác chiến của huyện, tỉnh trong khoảng thời gian từ tháng 8/1964 đến tháng 1/1973.

b) Du kích ở miền Nam được tổ chức thành đơn vị tập trung, thường xuyên làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu, công tác do cấp ủy đảng xã, liên xã trở lên tổ chức, quản lý (bao gồm cả du kích mật) trong khoảng thời gian từ tháng 7/1954 đến tháng 4/1975.

c) Lực lượng mật do các tổ chức đảng, quân sự [20]có thẩm quyền tổ chức, giao nhiệm vụ hoạt động trong khoảng thời gian từ tháng 7/1954 đến tháng 4/1975 ở chiến trường B, C, K.

Đối tượng tại điểm a, b, c nêu trên chưa được hưởng chế độ trợ cấp một lần gắn với thời gian phục vụ.

d)[21] Du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước trong khoảng thời gian từ tháng 7/1954 đến 30/4/1975 đã về gia đình, hiện không thuộc diện người đang công tác có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc hưởng chế độ hưu trí, bệnh binh, mất sức lao động hàng tháng.

1.2. Đối tượng không áp dụng:

a) Dân quân tập trung ở miền Bắc tham gia từ sau ngày 27/01/1973, du kích tập trung ở miền Nam tham gia sau ngày 30/04/1975.

b) Đối tượng tại tiết 1.1, khoản 1, Mục III nêu trên tiếp tục công tác, sau đó phát triển thành quân nhân [22] công nhân viên chức, công nhân viên chức quốc phòng [23] hoặc cán bộ dân chính đảng hiện đang công tác có tham gia bảo hiểm xã hội hoặc đang hưởng các chế độ hưu trí hàng tháng, chế độ mất sức lao động hàng tháng, chế độ bệnh binh hoặc thời gian tham gia dân quân, du kích (hoặc hoạt động mật) đã được tính hưởng bảo hiểm xã hội một lần.

---

[20] Cụm từ "công an" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

[21] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Mục I của Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT/BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2008 sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 3 năm 2008.

[22] Cụm từ "công an nhân dân" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

[23] Cụm từ "công an" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

c) Dân quân, du kích không được tổ chức tập trung và không thường xuyên làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu, công tác.

d) Các trường hợp tương tự nêu tại điểm b, c, d tiết 1.2 khoản 1, Mục I, Phần I Thông tư này.

2. Chế độ được hưởng

2.1. Cách tính thời gian hưởng chế độ:

a) Thời gian được tính hưởng chế độ là tổng thời gian thực tế tham gia dân quân, du kích tập trung cho đến khi giải thể về gia đình.

b) Quá trình tham gia dân quân, du kích tập trung nếu có thời gian gián đoạn hoặc tham gia nhiều đợt khác nhau thì được cộng dồn để tính thời gian hưởng chế độ

c) Thời gian công tác thực tế được tính hưởng chế độ, nếu có tháng lẻ, được tính như quy định tại điểm d tiết 2.1 khoản 2, Mục I, Phần I Thông tư này.

d)[24] Thời gian hưởng chế độ đối với dân quân tập trung trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước thuộc 07 xã giáp ranh bên bờ Bắc sông Bến Hải trên vĩ tuyến 17 (gồm các xã: Vĩnh Giang, Vĩnh Quang, Vĩnh Thành, Vĩnh Lâm, Vĩnh Sơn, Vĩnh Ô, Vĩnh Hà) và 05 xã nằm trong khu phi quân sự (gồm các xã: Vĩnh Tân, Vĩnh Thạch, Vĩnh Hòa, Vĩnh Hiền, Vĩnh Thủy) của huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, được tính hưởng chế độ trợ cấp một lần trong khoảng thời gian từ tháng 7/1954 cho đến khi giải thể về gia đình.

2.2. Mức hưởng chế độ trợ cấp một lần:

a) Đối tượng có thời gian tham gia dân quân, du kích tập trung từ đủ 2 năm trở xuống, mức hưởng là 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng).

b) Đối tượng có thời gian tham gia dân quân, du kích tập trung trên 2 năm, mức hưởng được tính theo công thức sau:

Mức hưởng = số năm được tính hưởng x 400.000 đ

Ví dụ 6: Bà Nguyễn Thị N là dân quân tập trung, được huyện T tổ chức làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ mục tiêu H trong khoảng thời gian chống chiến tranh phá hoại ở miền Bắc như sau:

Đợt 1, từ tháng 8/1964 đến tháng 11/1965.

Đợt 2, từ tháng 5/1968 đến tháng 11/1968.

---

[24] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Mục I của Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT/BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2008 sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 3 năm 2008.

Đợt 3, từ tháng 8/1972 đến tháng 11/1973.

- Cách tính thời gian của bà N để hưởng chế độ một lần như sau:

Thời gian của 3 đợt tham gia dân quân tập trung là: 1 năm 4 tháng + 7 tháng + 1 năm 4 tháng = 3 năm 3 tháng (tính là 3,5 năm).

- Mức hưởng chế độ trợ cấp một lần của bà N:

3,5 năm x 400.000 đ = 1.400.000 đồng

Ví dụ 7: Ông Lương Văn Y là du kích tập trung, được Đảng ủy liên xã quản lý, làm nhiệm vụ chiến đấu, công tác ở miền Nang như sau:

Lần 1, từ tháng 1/1965 đến 3/1968.

Lần 2, từ tháng 3/1974 đến tháng 4/1975.

- Cách tính thời gian của ông Y để hưởng chế độ một lần như sau:

Thời gian của 2 lần tham gia du kích tập trung là: 2 năm 5 tháng + 1 năm 2 tháng = 3 năm 7 tháng (tính là 4 năm).

- Mức hưởng chế độ trợ cấp một lần của ông Y:

4 năm x 400.000 đ = 1.600.000 đồng.

IV. CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM Y TẾ VÀ CHẾ ĐỘ MAI TÁNG PHÍ

1. Chế độ bảo hiểm y tế

1.1[25]. Đối tượng tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm: quân nhân, cán bộ, công nhân viên chức, công nhân viên chức quốc phòng, cán bộ dân chính đảng, thanh niên xung phong, dân quân, du kích tập trung, người nghỉ việc hưởng chế độ mất sức lao động nếu chưa được hưởng chế độ bảo hiểm y tế thì được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

1.2. Quyền lợi của người được hưởng chế độ bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Chế độ mai táng phí

2.1. Đối tượng tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30/04/1975 trở về trước quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 1 Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005, bao gồm: quân nhân cán bộ, công nhân viên chức, công nhân viên chức quốc phòng [26]cán bộ dân chính đảng, thanh niên xung phong, dân quân, du kích tập trung, người nghỉ việc hưởng chế độ mất sức

---

[25] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

[26] Cụm từ "công an" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

lao động, khi từ trần nếu không thuộc đối tượng hưởng chế độ mai táng phí theo quy định pháp luật hiện hành về bảo hiểm xã hội và chính sách người có công thì người hoặc tổ chức lo mai táng được nhận tiền mai táng phí.

2.2. Mức trợ cấp tiền mai táng phí được thực hiện như các đối tượng tham gia BHXH bắt buộc do Chính phủ quy định tại thời điểm đối tượng từ trần.

2.3. Trường hợp đối tượng từ trần từ ngày Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực thi hành đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, nếu chưa được hưởng chế độ mai táng phí thì người hoặc tổ chức lo mai táng cho đối tượng được hưởng theo quy định tại Thông tư này.

V. QUY ĐỊNH VỀ NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 290/2005/QĐ-TTg NGÀY 08/11/2005 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. Kinh phí chi trả chế độ một lần do ngân sách Trung ương đảm bảo;

2. Kinh phí chi trả chế độ bảo hiểm y tế, mai táng phí do ngân sách địa phương đảm bảo. Do năm 2006 thuộc thời kỳ ổn định ngân sách địa phương 2004 - 2006 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2006 giao cho các địa phương chưa có khoản chi này nên ngân sách Trung ương sẽ bổ sung có mục tiêu cho địa phương trong quá trình thực hiện. Từ năm 2007, khoản chi này sẽ được tính toán trong nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.

3[27]. Kinh phí chi cho công tác chi trả chế độ một lần đối với đối tượng B, C, K bằng 3%, các đối tượng còn lại bằng 4% trên tổng kinh phí chi trả chế độ một lần của đối tượng. Kinh phí cho công tác quản lý, thực hiện chế độ bảo hiểm y tế, mai táng phí thực hiện theo quy định hiện hành về bảo hiểm xã hội.

Nội dung chi cho công tác chi trả chế độ một lần cho đối tượng bao gồm: Lệ phí chi trả trợ cấp cho đối tượng; xét duyệt, thẩm định hồ sơ, chi tuyên truyền, phổ biến chính sách; tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết; in ấn mẫu biểu, giấy tờ quản lý và mua sắm, sửa chữa nhỏ các trang bị, đồ dùng văn phòng phục vụ công tác chi trả. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Phần II[28]

---

[27] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Mục IV của Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT/BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2008 sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 3 năm 2008.

[28] Phần này được bổ sung như sau: "1. Đối với đối tượng chỉ có thời gian tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước là hạ sỹ quan, chiến sỹ quân đội, công an và cán bộ xã (phường) theo hướng dẫn tại khoản 1, 2 Mục I của Thông tư này thì hồ sơ, thủ tục, quy trình xét duyệt thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC.

2. Đối với những trường hợp đối tượng theo quy định tại Nghị định số 23/1999/NĐ-CP hoặc Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg, đồng thời là đối tượng bổ sung theo quy định tại Quyết định số

HỒ SƠ THỦ TỤC HƯỞNG CHẾ ĐỘ

1. Hồ sơ xét hưởng chế độ một lần *(Đối với đối tượng quy định tại Mục I, Mục II, Mục III Phần I Thông tư này).*

1.1. Các giấy tờ làm căn cứ xét duyệt:

a) Các giấy *tờ gốc hoặc được coi như giấy tờ gốc:*

- Lý lịch Đảng viên (nếu là đảng viên).
- Lý lịch cán bộ, bản trích 63, lý địch quân nhân (nếu có).
- Hồ sơ phục viên, xuất ngũ, thôi việc, hồ sơ hưởng chế độ bệnh binh hoặc hồ sơ hưởng bảo hiểm xã hội hàng tháng (áp dụng riêng đối với đối tượng quy định tại Mục II, Phần I Thông tư này).

b) Giấy tờ liên quan:

Các giấy tờ có thể chứng minh là quân nhân [29] thanh niên xung phong, cán bộ dân chính đảng, dân quân, du kích, công nhân viên chức Nhà nước, công nhân viên chức quốc phòng [30]như:

- Quyết định nhập ngũ; tuyển dụng, bổ nhiệm, phong, thăng quân hàm; điều động; giao nhiệm vụ...

188/2007/QĐ-TTg mà nay mới lập hồ sơ để thực hiện chế độ thì hồ sơ, thủ tục, quy trình xét duyệt thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 191/2005/TTLT- BQP-BLĐTBXH-BTC. Khi lập hồ sơ kê khai toàn bộ thời gian được tính hưởng chế độ theo quy định.

Những trường hợp này, ở danh sách đối tượng (mẫu 9B, 9C kèm theo Thông tư số 191/2005/ TTLT- BQP-BLĐTBXH-BTC) tại cột ghi chú phải ghi rõ số năm được tính hưởng chế độ một lần là du kích tập trung (mẫu 9B), hoặc số năm được tính hưởng chế độ B, C, K (mẫu số 9C).

3. Đối với những trường hợp thuộc đối tượng đã được hưởng chế độ hoặc đã lập hồ sơ để hưởng chế độ theo quy định tại Nghị định số 23/1999/NĐ-CP hoặc Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg nay được bổ sung hưởng chế độ theo quy định tại Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg thực hiện như sau:

a) Nếu đối tượng có thời gian công tác là hạ sỹ quan, chiến sỹ quân đội, công an và cán bộ xã (phường) thì lập hồ sơ bổ sung, gồm: Bản khai cá nhân (theo mẫu 2A-1) hoặc Bản khai thân nhân (theo mẫu 2B-1); bản phôtô Quyết định hưởng chế độ một lần theo quy định tại Nghị định số 23/1999/NĐ-CP hoặc Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg (nếu đã được chi trả chế độ); tổng hợp danh sách bổ sung (theo mẫu 9B-1); quy trình xét duyệt và các văn bản khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 191/2005/TTLT- BQP-BLĐTBXH-BTC.

b) Nếu đối tượng có thời gian là du kích thôn, ấp thì lập hồ sơ bổ sung, gồm: Bản khai cá nhân (theo mẫu 3A-1) hoặc Bản khai thân nhân (theo mẫu 3B-1); bản phôtô Quyết định hưởng chế độ một lần theo quy định tại Nghị định số 23/1999/NĐ-CP hoặc Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg (nếu đã được chi trả chế độ); tổng hợp danh sách bổ sung (theo mẫu 9C-1); quy trình xét duyệt và các văn bản khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 191/2005/TTLT- BQP-BLĐTBXH-BTC.

4. Trường hợp đối tượng có hồ sơ gốc đã chứng minh đầy đủ quá trình tham gia kháng chiến để tính hưởng chế độ theo quy định thì hồ sơ chỉ cần Bản khai cá nhân (hoặc Bản khai thân nhân); bản sao giấy tờ gốc có chứng nhận của Ủy ban nhân dân xã (phường).” theo quy định tại Mục III của Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT/BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2008 sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 3 năm 2008.

[29] Cụm từ “công an nhân dân” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

[30] Cụm từ “công an” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

- Huân, huy chương kháng chiến và các hình thức khen thưởng khác.
- Phiếu chuyển thương, chuyển viện, phiếu sức khỏe...
- Hồ sơ hưởng chế độ người có công, hưởng BHXH một lần.
- Các giấy tờ chứng nhận có liên quan khác.

1.2. Hồ sơ xét duyệt, thẩm định đối với đối tượng đã về gia đình hưởng chế độ trợ cấp một lần được quy định như sau:

Hồ sơ được lập thành 01 bộ,[31] *gồm có:*

- Bản khai cá nhân (1A, 2A, 3A) hoặc của thân nhân (1B, 2B, 3B).

Bản khai của thân nhân phải kèm theo giấy ủy quyền của các thân nhân chủ yếu khác, có sự xác nhận của chính quyền xã (phường) nơi người ủy quyền cư trú (mẫu 04).

- Bản sao một trong các giấy tờ gốc hoặc các giấy tờ có liên quan theo quy định tại tiết 1.1, khoản 1, Mục này.[32].

Riêng đối với đối tượng quy định tại Mục II, Phần I Thông tư này ngoài bản khai (2A hoặc 2B) phải có bản trích sao quá trình công tác được hưởng chế độ có xác nhận của cơ quan quản lý hồ sơ, lý lịch (mẫu 2C) và bản sao (phôtocopy) toàn bộ quá trình công tác của cá nhân đối tượng do cơ quan quản lý hồ sơ, lý lịch cung cấp và xác nhận.

- [33]***(Được bãi bỏ)***

- Biên bản xét và xác nhận của Hội nghị BCH Hội Cựu chiến binh xã, phường (mẫu 06).
- Công văn đề nghị của Ủy ban nhân dân xã (phường) (mẫu 7A).
- Công văn đề nghị (mẫu 8A) kèm danh sách đối tượng được hưởng chế độ một lần..

+ Đối tượng chưa được hưởng chế độ, chính sách (mẫu 9A).
+ Đối tượng B, C, K (mẫu 9B).
+ Đối tượng dân quân, du kích tập trung (mẫu 10A).

- Quyết định hưởng chế độ trợ cấp một lần (mẫu 10A).

1.3. Hồ sơ xét duyệt hưởng chế độ một lần đối với đối tượng quy định tại Mục II, Phần I Thông tư này, đang công tác, được lập thành 01 bộ[34] ***như sau:***

---

[31] Cụm từ "02 bộ, mỗi bộ" được thay thế bằng cụm từ "01 bộ," theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 104/2024/TT-BQP thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2024.

[32] Cụm từ "có công chứng nhà nước hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi cư trú" được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 104/2024/TT-BQP thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2024.

[33] Gạch đầu dòng thứ ba điểm 1.2 khoản 1 Phần II được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP ngày 26 tháng 9 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

[34] Cụm từ "02 bộ" được thay thế bằng cụm từ "01 bộ" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 104/2024/TT-BQP thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên

- Bản khai cá nhân có chứng nhận của cơ quan, đơn vị nơi đang công tác (mẫu 2A).

- Bản trích sao quá trình công tác của đối tượng được hưởng chế độ có xác nhận của cơ quan quản lý hồ sơ, lý lịch (mẫu 2C).

- Bản sao (phôtôcopy) toàn bộ quá trình công tác của cá nhân đối tượng do cơ quan quản lý hồ sơ, lý lịch cung cấp và xác nhận.

- Công văn đề nghị (mẫu 7A) kèm theo danh sách đối tượng hưởng chế độ của cơ quan, đơn vị từ cấp quản lý đối tượng đến cấp ra quyết định hưởng chế độ cho đối tượng (mẫu 9B).

- Quyết định hưởng chế độ một lần (mẫu 10A).

2[35]. Hồ sơ xét hưởng chế độ bảo hiểm y tế và chế độ mai táng phí.

2.1. Hồ sơ hưởng chế độ bảo hiểm y tế được lập thành 01 bộ như sau:

- Bản trích sao danh sách đề nghị hưởng chế độ một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg hoặc bản sao một trong các quyết định được hưởng trợ cấp một lần (phục viên, xuất ngũ, thôi việc...). Trường hợp đối tượng không còn các quyết định trợ cấp một lần thì làm bản khai nêu rõ quá trình tham gia kháng chiến chống Mỹ và công tác, được Hội đồng chính sách xã xem xét đề nghị.

2.2. Hồ sơ hưởng chế độ mai táng phí được lập thành 01 bộ như sau:

- Đơn đề nghị của thân nhân đối tượng có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã nơi thường trú.

- Bản sao giấy chứng tử (trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ khai thác được từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan thì thân nhân đối tượng không phải nộp giấy tờ này).

- Công văn đề nghị của Ủy ban nhân dân xã nơi đối tượng thường trú (Mẫu 7C).

- Bản trích sao danh sách đề nghị hưởng chế độ một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg hoặc bản sao một trong các quyết định được hưởng trợ cấp một lần (phục viên, xuất ngũ, thôi việc; trợ cấp một lần) hoặc bản sao quyết định hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định tại Thông tư này.

- Danh sách tổng hợp của Sở Nội vụ (Mẫu 9E).

- Quyết định của Giám đốc Sở Nội vụ hưởng chế độ mai táng phí (Mẫu 10C).

3. Đối với đối tượng chỉ có thời gian tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước là hạ sỹ quan, chiến sỹ quân đội [36] và cán bộ xã (phường) theo hướng dẫn

---

tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2024.

[35] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

[36] Cụm từ "công an" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

tại khoản 1, 2 Mục I Thông tư này thì hồ sơ, thủ tục, quy trình xét duyệt thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC.

4. Đối với những trường hợp đối tượng theo quy định tại Nghị định số 23/1999/NĐ-CP hoặc Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg , đồng thời là đối tượng bổ sung theo quy định tại Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg mà nay mới lập hồ sơ để thực hiện chế độ thì hồ sơ, thủ tục, quy trình xét duyệt thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 191/2005/TTLT- BQP-BLĐTBXH-BTC. Khi lập hồ sơ kê khai toàn bộ thời gian được tính hưởng chế độ theo quy định.

Những trường hợp này, ở danh sách đối tượng (mẫu 9B, 9C kèm theo Thông tư số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC) tại cột ghi chú phải ghi rõ số năm được tính hưởng chế độ một lần là du kích tập trung (mẫu 9B), hoặc số năm được tính hưởng chế độ B, C, K (mẫu số 9C).

5. Đối với những trường hợp thuộc đối tượng đã được hưởng chế độ hoặc đã lập hồ sơ để hưởng chế độ theo quy định tại Nghị định số 23/1999/NĐ-CP hoặc Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg nay được bổ sung hưởng chế độ theo quy định tại Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg thực hiện như sau:

a) Nếu đối tượng có thời gian công tác là hạ sỹ quan, chiến sỹ quân đội [37]và cán bộ xã (phường) thì lập hồ sơ bổ sung, gồm: Bản khai cá nhân (theo mẫu 2A-1) hoặc Bản khai thân nhân (theo mẫu 2B-1); bản phôtô Quyết định hưởng chế độ một lần theo quy định tại Nghị định số 23/1999/NĐ-CP hoặc Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg (nếu đã được chi trả chế độ); tổng hợp danh sách bổ sung (theo mẫu 9B-1); quy trình xét duyệt và các văn bản khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 191/2005/TTLT- BQP-BLĐTBXH-BTC.

b) Nếu đối tượng có thời gian là du kích thôn, ấp thì lập hồ sơ bổ sung, gồm: Bản khai cá nhân (theo mẫu 3A-1) hoặc Bản khai thân nhân (theo mẫu 3B-1); bản sao[38] Quyết định hưởng chế độ một lần theo quy định tại Nghị định số 23/1999/NĐ-CP hoặc Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg (nếu đã được chi trả chế độ); tổng hợp danh sách bổ sung (theo mẫu 9C-1); quy trình xét duyệt và các văn bản khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 191/2005/TTLT- BQP-BLĐTBXH-BTC.

6. Trường hợp đối tượng có hồ sơ gốc đã chứng minh đầy đủ quá trình tham gia kháng chiến để tính hưởng chế độ theo quy định thì hồ sơ chỉ cần Bản khai cá nhân (hoặc Bản khai thân nhân); bản sao giấy tờ gốc[39].

---

[37] Cụm từ "công an" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

[38] Từ "phôtô" được thay thế bằng từ "sao" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 104/2024/TT-BQP thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2024.

[39] Cụm từ "có chứng nhận của Ủy ban nhân dân xã (phường)" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 104/2024/TT-BQP thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2024.

Phần III
TRÁCH NHIỆM VÀ TRÌNH TỰ THỰC HIỆN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG

1[40]. Trách nhiệm và trình tự thực hiện của cá nhân, cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận hồ sơ, xét duyệt, chi trả chế độ một lần đối với các đối tượng đã về gia đình.

1.1. Trách nhiệm của đối tượng và thân nhân đối tượng

a) Làm bản khai theo mẫu quy định.

b) Nộp 01 bộ hồ sơ gồm: Bản khai và các giấy tờ gốc hoặc giấy tờ được coi là giấy tờ gốc; giấy tờ có liên quan (nếu có) cho Ủy ban nhân dân xã bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử.

c) Bảo đảm tính trung thực của bản khai, các giấy tờ cá nhân và chịu trách nhiệm pháp lý khi có hành vi vi phạm pháp luật.

1.2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến trong nhân dân và đối tượng về nội dung chế độ chính sách; tổ chức thực hiện bảo đảm dân chủ, công khai, chặt chẽ, chính xác, đúng đối tượng ở địa phương.

b) Thành lập Hội đồng chính sách xã do Chủ tịch (hoặc phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân làm Chủ tịch Hội đồng, cán bộ quân sự, công an, công chức văn hóa xã hội (phụ trách nội vụ) làm thường trực và các thành viên gồm: Đại diện Đảng ủy, Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi, Ban hưu trí; mời đại diện cán bộ nguyên phụ trách cấp ủy, cơ quan quân sự của địa phương thời kỳ chống Mỹ cứu nước, đại diện Ban liên lạc dân quân, du kích tập trung, thanh niên xung phong... để giúp Ủy ban nhân dân xã tổ chức xét duyệt theo quy định tại Thông tư này.

c) Chỉ đạo cơ quan thuộc quyền tiếp nhận hồ sơ của đối tượng đề nghị hưởng chế độ. Tiến hành phân loại hồ sơ từng đối tượng của các thôn theo ba nhóm: nhóm có giấy tờ gốc; nhóm có giấy tờ liên quan và nhóm không có giấy tờ. Triển khai xét duyệt theo 3 bước:

- Bước 1: Xét duyệt cho nhóm đối tượng có giấy tờ gốc.

- Bước 2: Xét duyệt cho nhóm đối tượng có giấy tờ liên quan.

---

[40] Khoản này được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 của Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính; khoản 4 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

- Bước 3: Xét duyệt cho nhóm đối tượng không có giấy tờ.

Cấp xã chỉ tổ chức xét duyệt cho đối tượng nhóm sau (nhóm có giấy tờ liên quan, nhóm không có giấy tờ), khi cấp tỉnh đã thông báo kết quả xét hưởng đối tượng nhóm trước (nhóm có giấy tờ gốc) của địa phương mình và mời đại diện đối tượng đã được xét hưởng của nhóm trước dự họp.

d) Đề nghị Hội Cựu chiến binh họp xem xét, xác nhận đối tượng (bao gồm cả đối tượng khác quê quán nhưng sinh sống ổn định tại địa phương, có thể xác định được thời gian công tác tính hưởng chế độ).

đ) Tổ chức hội nghị Hội đồng chính sách công khai xét duyệt đối với các đối tượng do Hội Cựu chiến binh đã cho ý kiến bằng văn bản (Ban chỉ huy quân sự, công chức văn hóa xã hội (phụ trách nội vụ) tổng hợp danh sách theo phạm vi phân công và báo cáo).

Đối với đối tượng không có giấy tờ gốc hoặc không có giấy tờ được coi là giấy tờ gốc, Hội đồng chính sách có trách nhiệm thẩm tra, xác minh quá trình công tác, thời gian về địa phương trước khi lập văn bản xác nhận (mẫu số 7A).

e) Niêm yết danh sách đối tượng đã được xét duyệt (đối tượng được hưởng; mức hưởng của từng người,...) tại các thôn, ấp; tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và công bố trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương để lấy ý kiến của nhân dân.

g) Sau 10 ngày, nếu không có ý kiến thắc mắc, khiếu kiện của nhân dân thì Ủy ban nhân dân xã tổng hợp, lập hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Qua Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền chỉ đạo của Bộ Quốc phòng, bao gồm: quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, dân quân, du kích tập trung, lực lượng mật quốc phòng;

- Qua Sở Nội vụ đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, bao gồm: cán bộ, công nhân viên chức, cán bộ dân chính đảng, thanh niên xung phong.

h) Tổ chức xác nhận theo đề nghị của đối tượng hiện nay thường trú ở địa phương khác để hưởng chế độ (quy trình xét duyệt và hồ sơ thực hiện như đối tượng không còn giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc ở địa phương). Trong thời gian 30 ngày phải chuyển hồ sơ đã xét duyệt hoặc trả lời đối tượng theo đề nghị.

i) Tiến hành xác minh, tổng hợp báo cáo các trường hợp chưa rõ đối tượng, thời gian được tính hưởng chế độ hoặc các trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết đang có khiếu nại, tố cáo.

Đối với lực lượng mật lập danh sách riêng nêu rõ từng trường hợp đã xác định được và những trường hợp chưa xác định được đề nghị trên xác minh, kết luận.

k) Chỉ đạo cơ quan thuộc quyền chi trả chế độ cho đối tượng; thông báo kết quả trên các phương tiện thông tin của địa phương.

1.3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Chỉ đạo các địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan tuyên truyền, tổ chức triển khai và kiểm tra thực hiện chế độ quy định cho mọi đối tượng tại địa phương.

b) Thành lập Ban chỉ đạo do Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Sở Nội vụ làm thường trực và các thành viên gồm: Đại diện Ban tổ chức tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc, cơ quan Bảo hiểm xã hội, Tài chính, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi; mời đại diện cán bộ nguyên là cấp ủy, chính quyền và thủ trưởng cơ quan quân sự thời kỳ chống Mỹ cứu nước.

Từng địa phương có thể thành lập bộ phận giúp việc với sự tham gia của Ban liên lạc dân quân, du kích tập trung, thanh niên xung phong, những người công tác cùng thời gian ở địa phương để giúp Ban chỉ đạo quyết định các chủ trương, kế hoạch và biện pháp thực hiện.

c) Chỉ đạo, chủ trì tổ chức tập huấn cho các Ban, ngành chức năng có liên quan và các cơ quan chức năng của các xã.

d) Chỉ đạo các ngành chức năng xét duyệt, tổng hợp, báo cáo theo quy định:

- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức xét duyệt, tổng hợp danh sách đối tượng được hưởng và ngân sách chi trả báo cáo quân khu (qua Cục Chính trị) các đối tượng thuộc thẩm quyền chỉ đạo của Bộ Quốc phòng.

- Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức xét duyệt, thẩm định, ra quyết định hưởng chế độ một lần đối với các đối tượng là cán bộ, công nhân viên chức, dân chính đảng, cán bộ cấp xã, thanh niên xung phong thuộc thẩm quyền, phạm vi giải quyết; xét duyệt, ra quyết định hưởng chế độ bảo hiểm y tế, chế độ mai táng phí đối với các đối tượng theo quy định tại Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg và Thông tư này.

đ) Tổng hợp danh sách và kinh phí thực hiện chế độ một lần gửi Bộ Nội vụ để tổng hợp, đề nghị Bộ Tài chính bảo đảm kinh phí; chỉ đạo chi trả chế độ cho đối tượng và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

e) Chủ trì giải quyết những vướng mắc, phát sinh tại địa phương.

g) Đối với lực lượng mật và đối tượng tham gia chiến đấu ở chiến trường B, C, K tự về gia đình chưa được hưởng chế độ, chính sách, quê từ huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị trở ra mà không thuộc dân tộc ít người, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng thuộc quyền phối hợp với đơn vị, địa phương có liên quan tiến hành thẩm tra, xác minh, kết luận từng trường hợp cụ thể trước khi xét duyệt, tổng hợp trong phạm vi, thẩm quyền giải quyết theo quy định.

1.4. Trách nhiệm của Bộ Tư lệnh các quân khu

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc quyền triển khai thực hiện việc xét duyệt, thẩm định, báo cáo theo quy định.

b) Thành lập Ban chỉ đạo do một đồng chí Phó Tư lệnh Quân khu làm Trưởng ban, Thủ trưởng Cục Chính trị làm Phó Trưởng ban Thường trực và các thành viên gồm: cơ quan Chính sách, Tài chính, Cán bộ, Quân lực, Dân quân tự vệ, Tuyên huấn, Văn phòng và các cơ quan có liên quan.

c) Tổ chức tập huấn cho lãnh đạo và cán bộ chuyên môn các cơ quan, đơn vị thuộc quyền về chế độ, chính sách theo quy định và kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện trong địa bàn quân khu.

d) Căn cứ kết quả xét duyệt, đề nghị của cơ quan chức năng, ra quyết định hưởng chế độ. Báo cáo quyết định và danh sách hưởng chế độ trợ cấp về Cục Chính sách-Xã hội/Tổng cục Chính trị để quản lý theo dõi; báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng) kèm theo quyết định và danh sách đối tượng hưởng chế độ trợ cấp để tổng hợp, đề nghị Bộ Tài chính bảo đảm kinh phí.

đ) Chỉ đạo chi trả chế độ cho đối tượng thuộc phạm vi đảm nhiệm và thanh quyết toán tài chính theo quy định hiện hành.

e) Lưu trữ, số hóa hồ sơ đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết.

g) Chủ trì kiểm tra, giải quyết những vướng mắc, phát sinh ở các cơ quan, đơn vị thuộc quân khu quản lý.

2. Trách nhiệm và trình tự thực hiện của cá nhân, cơ quan, đơn vị tiếp nhận hồ sơ, xét duyệt, chi trả chế độ một lần đối với các đối, tượng đang công tác quy định tại Mục II, phần I Thông tư này.

2.1. Trách nhiệm của đối tượng:

a) Làm bản khai, có chứng nhận của cơ quan, đơn vị nơi đang công tác theo mẫu quy định.

b) Nộp bản khai và các bản trích sao hồ sơ, lý lịch; bản phôtôcopy quá trình công tác do cơ quan quản lý hồ sơ, lý lịch cung cấp và xác nhận cho các cơ quan được giao nhiệm vụ xét duyệt, tổng hợp.

c) Bảo đảm tính trung thực của bản khai, các giấy tờ cá nhân và chịu trách nhiệm pháp lý khi có hành vi vi phạm pháp luật.

2.2. Trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương:

Căn cứ thực tế tình hình đối tượng được hưởng, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan chức năng theo phân cấp quản lý cán bộ, lập hồ sơ, xét duyệt đồng thời ra quyết định hưởng chế độ cho đối, tượng trong phạm vi quản lý. Quy trình trách nhiệm, tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Mục III Thông tư số 17/1999/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BTCCBCP ngày 21/07/1999, hướng dẫn thực hiện Nghị định 23/1999/NĐ-CP ngày 15/04/1999 của Chính phủ.

Phần IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN[41]

---

[41] Mục V của Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT/BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2008 sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối

1. Bộ Quốc phòng

- Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn việc thực hiện trong toàn quốc.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền phối hợp với các cơ quan, chính quyền các cấp quán triệt, triển khai; chỉ đạo xét duyệt, tổ chức thẩm định, hướng dẫn việc chi trả và kiểm tra việc thực hiện chế độ một lần đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, dân quân, du kích tập trung (bao gồm cả du kích mật) và lực lượng mật thuộc phạm vi quản lý và thanh quyết toán tài chính theo quy định hiện hành.

---

với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 3 năm 2008 quy định như sau:

"Bổ sung về trách nhiệm và trình tự thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương hướng dẫn tại Phần III Thông tư số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC như sau:

1. Trường hợp đối tượng có thời gian công tác ở nhiều lĩnh vực khác nhau thì căn cứ lĩnh vực công tác cuối cùng tham gia kháng chiến chống Mỹ của người đó để thực hiện việc phân công xét duyệt, quyết định hưởng chế độ theo quy định tại Thông tư số 191/2005/TTLT- BQP-BLĐTBXH-BTC.

2. Đối với cán bộ xã (phường) hoạt động ở miền Nam tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước quy định tại điểm a, khoản 1 Mục I Thông tư này, Ban Thường vụ tỉnh (thành) ủy căn cứ chức danh của từng loại hình xã (phường) của địa phương trong kháng chiến, chỉ đạo các ban, ngành, các cấp ủy đảng, chính quyền xem xét, tổng hợp và quyết định từng trường hợp được hưởng chế độ. Giao cho các cấp lập hồ sơ và thực hiện việc xét duyệt, quyết định hưởng chế độ theo hướng dẫn tại Thông tư số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC và Thông tư này.

3. Các cấp cần tổ chức xét duyệt chặt chẽ, công khai từng đối tượng, đúng quy trình hướng dẫn tại Thông tư số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC và Thông tư này; căn cứ kết quả xét duyệt các đợt trước đây để xác định rõ thời gian đã tính hưởng chế độ của đối tượng và tính thời gian hưởng bổ sung; đồng thời, lưu giữ danh sách để theo dõi, tránh trùng hưởng chế độ.

Đối với cấp thôn, ấp; xã (phường) khi tổ chức xét duyệt công khai mời đại diện những người cùng công tác nay sinh sống tại địa bàn và đại diện các đối tượng cùng lĩnh vực công tác đã được hưởng chế độ các đợt trước cùng dự.

Các trường hợp có hồ sơ gốc hoặc hồ sơ đã rõ xét duyệt trước; số chưa rõ tiếp tục xác minh, xét duyệt sau. Trường hợp không đủ điều kiện hưởng chế độ thì trả lời cho đối tượng rõ.

4. Sửa đổi tiết đ, điểm 1.4, khoản 1, Phần III Thông tư số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC (về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố) như sau: Ra quyết định hưởng chế độ một lần đối với các đối tượng là cán bộ, công nhân viên chức, dân chính đảng, cán bộ xã (phường), thanh niên xung phong thuộc thẩm quyền, phạm vi giải quyết.

5. Sửa đổi tiết e, điểm 1.4, khoản 1, Phần III Thông tư số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC (về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố) như sau: Tổng hợp danh sách và kinh phí thực hiện chế độ một lần gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định để gửi Bộ Tài chính cấp kinh phí; chỉ đạo chi trả chế độ cho đối tượng và thanh quyết toán tài chính theo chế độ hiện hành.

6. Sửa đổi khoản 3, Phần IV Thông tư số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC (về trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) như sau: Chỉ đạo hệ thống ngành Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể địa phương xét duyệt, tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ra quyết định hưởng chế độ một lần, chế độ mai táng phí và chế độ hỗ trợ vật chất, tinh thần đối với các đối tượng; thẩm định và quyết toán kinh phí thực hiện chế độ đối với đối tượng do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý theo hướng dẫn trợ cấp kinh phí ủy quyền đối với người có công với cách mạng.

2. [42] ***Được bãi bỏ***

3[43]*.Bộ Nội vụ*

Chỉ đạo hệ thống ngành Nội vụ phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể địa phương xét duyệt, thẩm định và ra quyết định hưởng chế độ một lần, chế độ bảo hiểm y tế, chế độ mai táng phí và chế độ hỗ trợ vật chất, tinh thần đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý; thanh quyết toán tài chính theo quy định hiện hành.

4. Bộ Tài chính

Căn cứ vào kết quả xét duyệt hưởng chế độ đối với các đối tượng của các Bộ, Ban, ngành, các tỉnh (thành phố), có trách nhiệm bảo đảm kinh phí để chi trả cho đối tượng được hưởng chế độ một lần, bảo hiểm y tế, mai táng phí và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

5. Trung ương Hội Cựu Chiến binh

Chỉ đạo hội cựu chiến binh các cấp phối hợp với các cơ quan, đoàn thể địa phương rà soát phát hiện đối tượng, tham gia xét duyệt, xác nhận các đối tượng được hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại Thông tư này.

6[44]*.* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Cùng với việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với các đối tượng theo quy định tại Phần III Thông tư này, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo Sở Nội vụ hướng dẫn các xã xét duyệt, báo cáo danh sách đối tượng được hưởng chế độ bảo hiểm y tế, chế độ mai táng phí trên địa bàn; rà soát, thẩm định, ra quyết định về việc thực hiện chế độ cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Thông tư này;

b) Chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương rà soát, xem xét, thực hiện hỗ trợ về vật chất, tinh thần đối với những người tham gia kháng chiến chống Mỹ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

---

[42] Khoản nảy được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

[43] Khoản này được sửa đổi theo quy đnh tại khoản 6 Mục V của Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT/BQP-BLĐTBXH-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 3 năm 2008.

[44] Khoản nảy được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

7. Những người có hành vi khai man, hoặc làm sai lệch, giả mạo hồ sơ, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và phải bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

8. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Liên Bộ để xem xét, giải quyết./.

BỘ QUỐC PHÒNG

Số: 11 /VBHN-BQP

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Lãnh đạo BQP;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Công an;
- BTTM, TCCT;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- Ban Cơ yếu Chính phủ;
- Các Cục: Chính sách-Xã hội,(03) Cán bộ, Quân lực, Tài chính, Pháp chế;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL/Bộ Tư pháp;
- Cổng TTĐT BQP (để đăng tải);
- Cổng TTĐT ngành Chính sách QĐ (để đăng tải);
- Lưu: VT, NCTH.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Nguyễn Văn Gấu

Phụ lục I[45]

(Kèm theo Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Mẫu 1A	Bản khai cá nhân
Mẫu 1B	Bản khai thân nhân
Mẫu 2A	Bản khai cá nhân
Mẫu 2B	Bản khai thân nhân
Mẫu 2C	Bản trích sao lý lịch của đối tượng
Mẫu 3A	Bản khai cá nhân
Mẫu 3B	Bản khai thân nhân
Mẫu 04	Giấy ủy quyền
Mẫu 05	***Được bãi bỏ***
Mẫu 06	Biên bản Hội nghị Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh
Mẫu 7A	Công văn đề nghị của Ủy ban nhân dân xã (phường)
Mẫu 7C	Công văn đề nghị của Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi đối tượng cư trú
Mẫu 8A	Công văn đề nghị (dùng cho cấp xã, phường trở lên)
Mẫu 8C	Công văn đề nghị giải quyết chế độ mai táng phí
Mẫu 9A	Danh sách đối tượng chưa được hưởng chính sách (I)
Mẫu 9B	Danh sách đối tượng B, C, K (II)
Mẫu 9C	Danh sách đối tượng dân quân, du kích tập trung (III)
Mẫu 9E	Danh sách đối tượng đề nghị chế độ mai táng phí
Mẫu 10A	Quyết định về chế độ trợ cấp một lần
Mẫu 10C	Quyết định thực hiện chế độ mai táng phí

[45] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm đ khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 104/2024/TT-BQP thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2024.

Mẫu 1A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày……tháng……năm 20…

BẢN KHAI CÁ NHÂN
Đề nghị hưởng chế độ một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ
(Đối tượng chưa được hưởng chế độ, chính sách)

Họ và tên:……Bí danh:……Nam, nữ……

Thuộc đối tượng nguyên là (QN [46] CNVC):……

Ngày, tháng, năm sinh:…… ……

Số định danh cá nhân (CCCD/Căn cước)……..

Quê quán:.....

Nơi thường trú: .....

Vào Đảng:…… ……Chính thức:……

Nhập ngũ (hoặc tuyển dụng vào CNVC) ngày……..tháng…….năm.....

.....

Đơn vị khi nhập ngũ (c, d, e, f…) hoặc cơ quan tuyển dụng:……

Về gia đình từ ngày……..tháng……..năm……

Cấp bậc, chức vụ, đơn vị trước khi về gia đình (c, d, e, f…):……

Nghề nghiệp sau khi về gia đình:……

Đã được khen thưởng trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu:.....

Lý do chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước: .....

.....

.....

.....

Các giấy tờ liên quan đến tham gia kháng chiến chống Mỹ còn lưu giữ:.....

.....

.....

.....

.....

---

[46] Cụm từ "Công an nhân dân" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP ngày 26 tháng 9 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

.....
.....
.....
.....

BẢNG KÊ THỜI GIAN TRỰC TIẾP THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC CHO ĐẾN KHI VỀ GIA ĐÌNH

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Cấp bậc, Chức vụ	Đơn vị (c, d, e, f)	Địa bàn hoạt động
Tổng thời gian được tính hưởng chế độ một lần:.....*năm*.....*tháng*.....				

Những người biết được quá trình tham gia công tác:

1. Họ tên:..... .....Nơi ở hiện tại.....

Lý do biết: .....

2. Họ tên:..... .....Nơi ở hiện tại .....

Lý do biết:.....

Khai tại.....

Tôi xin cam đoan lời khai trên đây là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận
của Ủy ban nhân dân xã (phường)
(Ký tên và đóng dấu)

Người khai
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Mẫu 1B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày……tháng……năm 20…

BẢN KHAI THÂN NHÂN
Đề nghị hưởng chế độ một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ
(Đối tượng chưa được hưởng chế độ, chính sách)

1. Phần khai về thân nhân của đối tượng:

Họ và tên:……Nam, nữ……

Ngày, tháng, năm sinh:……

Số định danh cá nhân (CCCD/Căn cước)……..

Quê quán:…… ……..

Nơi thường trú:…… ……..

Đơn vị, cơ quan công tác hiện nay:…… ……

Quan hệ với đối tượng khai dưới đây là:…… ……

Những người cùng hàng thừa kế gồm:…… ……

……

……

……

(Kèm theo giấy ủy quyền của các thân nhân cùng hàng thừa kế)

2. Phần khai về đối tượng:

Họ và tên:……Nam, nữ……

Ngày, tháng, năm sinh:…… ……

Quê quán:…… ……

Vào Đảng:…… ……Chính thức:…… ……

Nhập ngũ (hoặc tuyển dụng vào CNVC) ngày……..tháng…….năm……

Đơn vị khi nhập ngũ (c, d, e, f…) hoặc cơ quan tuyển dụng:……

Về gia đình từ ngày……..tháng……..năm……..

Cấp bậc, chức vụ, đơn vị trước khi về gia đình (c, d, e, f…):……

Lý do chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước……

……

.....

.....

Đã từ trần ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Các giấy tờ của đối tượng còn lưu giữ liên quan đến tham gia kháng chiến chống Mỹ.....

.....

.....

.....

BẢNG KÊ THỜI GIAN TRỰC TIẾP THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC CHO ĐẾN KHI VỀ GIA ĐÌNH

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Cấp bậc, Chức vụ	Đơn vị (c, d, e, f)	Địa bàn hoạt động
Tổng thời gian được tính hưởng chế độ một lần: *.....năm.....tháng.....*				

Những người biết được quá trình tham gia công tác:

1. Họ tên:.....Nơi ở hiện tại.....

Lý do biết:..... .....

2. Họ tên:..... .....Nơi ở hiện tại .....

Lý do biết:..... .....

Khai tại.....

Tôi xin cam đoan lời khai trên đây là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận
của Ủy ban nhân dân xã (phường)
(Ký tên và đóng dấu)

Người khai
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Mẫu 2A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày.....tháng.....năm 20...

BẢN KHAI CÁ NHÂN
Đề nghị hưởng chế độ một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ
(Đối tượng hưởng chế độ B, C, K)

Họ và tên:.....Bí danh:... .....Nam, nữ.....

Thuộc đối tượng nguyên là (QN [47] CNVC):..... .....

Ngày, tháng, năm sinh:..... .....

Số định danh cá nhân (CCCD/Căn cước).....
Quê quán:..... .....

Nơi thường trú:..... .....

Đơn vị, cơ quan công tác hiện nay (đối với người đang công tác):.....

Đang nghỉ hưu, MSLĐ, TNLĐ hoặc làm công việc gì ở đâu:.....

Cấp bậc, chức vụ, đơn vị trước khi nghỉ:.....
.....

Nhập ngũ (tuyển dụng vào CNVC hoặc thoát ly đối với cán bộ dân chính đảng): ngày.....tháng.....năm....., đơn vị (c, d, e, f):.....
.....

Tái ngũ (nếu có) ngày.....tháng.....năm .....

Ngày, tháng, năm đi chiến trường B, C, K:..... .....

Đơn vị trước khi đi chiến trường B, C, K:..... .....

Cấp bậc, chức vụ trước khi đi chiến trường B, C, K:..... ...

Ngày, tháng, năm *được đề bạt, bổ nhiệm cấp bậc, chức vụ hưởng lương:*.....

Trong thời gian ở chiến trường đã ra miền Bắc: đi học, công tác (số lần, thời gian):..... .....;

Mức lương (hoặc sinh hoạt phí) khi ở miền Bắc:.....
.....

---

[47] Cụm từ "Công an nhân dân" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Họ, tên bố:..... .....sinh:..... .....mất:..... .....

Họ, tên mẹ:.....sinh:..... .....mất:.....

Nghề nghiệp, nơi thường trú của bố, mẹ trước 30/4/1975:.....
.....

Họ, tên vợ (hoặc chồng):..... .....

Vợ chồng kết hôn năm:.....

Nghề nghiệp, nơi thường trú của vợ (chồng) trước 30/4/1975:.....

Họ, tên các con:

1-.....sinh:.....

2-.....sinh:.....

Các giấy tờ liên quan đến tham gia kháng chiến chống Mỹ còn lưu giữ:.....

BẢNG KÊ THỜI GIAN CÔNG TÁC, CHIẾN ĐẤU Ở CHIẾN TRƯỜNG B, C, K KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC HƯỞNG LƯƠNG

Từ tháng, năm	**Đến tháng, năm**	**Cấp bậc, Chức vụ**	**Đơn vị (c, d, e, f)**	**Địa bàn hoạt động**
Tổng thời gian được tính hưởng chế độ một lần:*.....năm.....tháng.....*				

Khai tại.....

Tôi xin cam đoan lời khai trên đây là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận
của Ủy ban nhân dân xã (phường)
(Ký tên và đóng dấu)

Người khai

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Mẫu 2B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày.....tháng.....năm 20...

BẢN KHAI THÂN NHÂN
Đề nghị hưởng chế độ một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ
(Đối tượng hưởng chế độ B, C, K)

1. Phần khai về thân nhân:

Họ và tên:.....Nam, nữ.....
Ngày, tháng, năm sinh:..... .....
Số định danh cá nhân (CCCD/Căn cước).....
Quê quán:..... .....
Nơi thường trú:..... .....
Đơn vị, cơ quan công tác hiện nay:..... .....
Quan hệ với đối tượng khai dưới đây là:..... .....
Những người cùng hàng thừa kế gồm:.....
.....

(Kèm theo giấy ủy quyền của các thân nhân cùng hàng thừa kế)

2. Phần khai về đối tượng:

Họ và tên:.....Nam, nữ.....
Sinh năm:.....Quê quán:..... .....
Hy sinh (hoặc từ trần) ngày, tháng, năm: .....
Đơn vị (cơ quan) khi hy sinh (từ trần): .....
Ngày nhập ngũ (tuyển dụng vào CNVC hoặc thoát ly đối với cán bộ dân chính đảng): ngày.....tháng.....năm....., đơn vị (c, d, e, f):.....
Tái ngũ (nếu có) ngày.....tháng.....năm .....
Đơn vị trước khi đi chiến trường B, C, K:..... .....
Cấp bậc, chức vụ trước khi đi chiến trường B, C, K:..... ...
Ngày, tháng, năm *được đề bạt, bổ nhiệm cấp bậc, chức vụ hưởng lương:*.....
Cấp bậc, chức vụ khi hưởng lương: .....
Trong thời gian ở chiến trường đã ra miền Bắc: đi học, công tác (số lần, thời gian):.....;
Mức lương (hoặc sinh hoạt phí) khi ở miền Bắc:..... .....
Đơn vị công tác trước khi về gia đình: .....
Cấp bậc, chức vụ khi về gia đình: .....
Họ, tên bố:.....sinh:..... .....mất:.....
Họ, tên mẹ:.....sinh:.....mất:.....

Nghề nghiệp, nơi thường trú của bố, mẹ trước 30/4/1975:.....
Họ, tên vợ (hoặc chồng):..... .....
Vợ chồng kết hôn năm:..... .....
Nghề nghiệp, nơi thường trú của vợ (chồng) trước 30/4/1975:..... .....
.....
Họ, tên các con:
1-.....sinh:.....
2-.....sinh:..... .....
Các giấy tờ liên quan đến tham gia kháng chiến chống Mỹ còn lưu giữ:.....
.....

BẢNG KÊ THỜI GIAN CÔNG TÁC, CHIẾN ĐẤU Ở CHIẾN TRƯỜNG B, C, K KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC HƯỞNG LƯƠNG

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Cấp bậc, Chức vụ	Đơn vị (c, d, e, f)	Địa bàn hoạt động
Tổng thời gian được tính hưởng chế độ một lần:.....*năm*.....*tháng*.....				

Khai tại.....

Tôi xin cam đoan lời khai trên đây là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận
của Ủy ban nhân dân xã (phường)
(Ký tên và đóng dấu)

Người khai
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Mẫu 2C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày.....tháng.....năm 20...

BẢN TRÍCH SAO LÝ LỊCH CỦA ĐỐI TƯỢNG
Về thời gian công tác, chiến đấu tại chiến trường B, C, K trong thời kỳ chống Mỹ không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng ở miền Bắc

Họ và tên:.....Nam, nữ.....

Bí danh:.....

Quê quán:.....

Nơi thường trú:.....

Đơn vị công tác, nghỉ hưu, MSLĐ, TNLĐ hoặc làm công việc gì ở đâu:.....

.....

Tôi trích sao thời gian công tác, chiến đấu tại chiến trường B, C, K của đối tượng nói trên hưởng chế độ một lần như sau:

Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Số tháng	Đơn vị, chiến trường	Cấp bậc, chức vụ	Mức lương
Tổng thời gian được tính hưởng chế độ một lần:.....*năm*.....*tháng*.....				

Tôi xin cam đoan bản trích sao trên đây về đối tượng là đúng với hồ sơ gốc cơ quan quản lý, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người trích sao
(Ghi rõ họ, tên)

Xác nhận của cơ quan quản lý hồ sơ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 3A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày……tháng……năm 20…

BẢN KHAI CÁ NHÂN
Đề nghị hưởng chế độ một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ
(Đối tượng dân quân, du kích tập trung, lực lượng mật)

1. Phần khai về thân nhân của đối tượng:

Họ và tên:……Bí danh:……Nam, nữ……..

Ngày, tháng, năm sinh:…… ……

Số định danh cá nhân (CCCD/Căn cước)……..
Quê quán:……..……

Nơi thường trú:……

Vào Đảng:…… ……Chính thức:……

Thời gian tham gia dân quân, du kích tập trung, lực lượng mật:……

……

Được vào đơn vị (b, c dân quân, du kích):……..……

Do cấp nào quản lý *(ghi rõ)*:…… ……

Về gia đình từ ngày…….tháng…….năm……

Đơn vị trước khi về gia đình (b, c, d):……..……

……

Lý do khi về gia đình:……..……..

Nghề nghiệp sau khi về gia đình:……hiện nay:……

Đã được khen thưởng tổng kết kháng chiến chống Mỹ:……

……

Đã được hưởng chế độ, chính sách gì?.....

……

Các giấy tờ liên quan đến tham gia kháng chiến chống Mỹ còn lưu giữ……

……

……

……

BẢNG KÊ THỜI GIAN THỰC TẾ THAM GIA DÂN QUÂN, DU KÍCH TẬP TRUNG, LỰC LƯỢNG LÀM NHIỆM VỤ MẬT

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Số tháng	Cấp bậc, Chức vụ	Đơn vị (c, d, e, f)	Cấp quản lý	Địa bàn hoạt động
Tổng thời gian được tính hưởng chế độ một lần: *....năm.....tháng.....*						

Những người biết được quá trình tham gia dân quân, du kích tập trung, làm nhiệm vụ mật:

1. Họ tên:..... .....Nơi ở hiện tại .....

Lý do biết:..... .....

2. Họ tên:..... .....Nơi ở hiện tại .....

Lý do biết:..... .....

Khai tại.....

Tôi xin cam đoan lời khai trên đây là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận
của Ủy ban nhân dân xã (phường)

(Ký tên và đóng dấu)

Người khai

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Mẫu 3B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày.....tháng.....năm 20...

BẢN KHAI THÂN NHÂN
Đề nghị hưởng chế độ một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ
(Đối tượng dân quân, du kích tập trung, lực lượng mật)

1. Phần khai về thân nhân:

Họ và tên:.....Nam, nữ.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... .....

Số định danh cá nhân (CCCD/Căn cước).....

Quê quán:..... .....

Nơi thường trú:..... .....

Đơn vị, cơ quan công tác hiện nay:..... .....

Quan hệ với đối tượng khai dưới đây là:..... .....

Những người cùng hàng thừa kế gồm:.....

.....

.....

(Kèm theo giấy ủy quyền của các thân nhân cùng hàng thừa kế)

2. Phần khai về đối tượng:

Họ và tên:.....Bí danh:.....Nam, nữ.....

Năm sinh:..... từ trần.....

Quê quán:..... .....

Vào Đảng:.....Chính thức:.....

Thời gian tham gia dân quân, du kích tập trung, lực lượng mật:.....

Được vào đơn vị:.....

Do cấp nào quản lý (*ghi rõ*)..... .....

Về gia đình từ ngày.....tháng.....năm.....

Đơn vị trước khi về gia đình (b, c, d):..... .....

.....

.....

Nghề nghiệp sau khi về gia đình:.....hiện nay:.....

Đã được khen thưởng tổng kết kháng chiến chống Mỹ:.....

.....

Đã được hưởng chế độ, chính sách gì?.....

.....

Các giấy tờ liên quan đến tham gia dân quân, du kích tập trung, làm nhiệm vụ mật còn lưu giữ được:.....

.....

.....

.....

BẢNG KÊ THỜI GIAN THỰC TẾ THAM GIA DÂN QUÂN, DU KÍCH TẬP TRUNG, LỰC LƯỢNG LÀM NHIỆM VỤ MẬT

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Số tháng	Cấp bậc, Chức vụ	Đơn vị (c, d, e, f)	Cấp quản lý	Địa bàn hoạt động
Tổng thời gian được tính hưởng chế độ một lần:.....*năm*.....*tháng*.....						

Những người biết được quá trình tham gia dân quân, du kích tập trung, làm nhiệm vụ mật:

1. Họ tên:..... .....Nơi ở hiện tại.....

Lý do biết:..... .....

2. Họ tên:..... .....Nơi ở hiện tại .....

Lý do biết:..... .....

Khai tại.....

Tôi xin cam đoan lời khai trên đây là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận
của Ủy ban nhân dân xã (phường)

(Ký tên và đóng dấu)

Người khai

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Mẫu 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày……tháng……năm 20…

GIẤY ỦY QUYỀN
Về việc đứng tên kê khai hưởng chính sách theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (phường)…… ……

tỉnh (thành phố)[48]……

Tên tôi là:…… Năm sinh :……

Số định danh cá nhân (CCCD/Căn cước)……

Quê quán:…… ……

Nơi thường trú:……..……..

Là……..của Ông (Bà)……..

thuộc đối tượng được thực hiện theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Nay ủy quyền cho Ông (Bà)…… ……..quan hệ với đối tượng là……

Thường trú tại xã (phường)……...tỉnh (thành phố)[49]……

Chịu trách nhiệm đứng tên kê khai để hưởng chế độ, chính sách.

Xác nhận **của Ủy ban nhân dân xã (phường)**	**Người ủy quyền** *(Ký, ghi rõ họ, tên)*

[48] Từ "huyện" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP ngày 26 tháng 9 năm 2025 sửa đổi, bổ sung các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

[49] Cụm từ "huyện(quận)" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Mẫu 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày.....tháng.....năm 20...

BIÊN BẢN HỘI NGHỊ BCH HỘI CỰU CHIẾN BINH
Xét đề nghị hưởng chế độ theo theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ

Hôm nay, ngày……..tháng……..năm 20…,

Tại ……xã (phường)……

……..tỉnh (thành phố)[50]……

Chúng tôi gồm:

1. BCH Hội Cựu chiến binh xã (phường)……

Tổng số……có mặt……..vắng mặt……

2. Đại diện Cựu chiến binh tham gia kháng chiến chống Mỹ:

……

……

Đã họp để xem xét, đề nghị đối tượng hưởng chế độ theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Nhất trí xác nhận:

Ông (bà):……còn (hay mất):……

Sinh năm……từ trần ngày……..tháng…….năm……

Quê quán:……

Nơi thường trú (trường hợp đã từ trần thì không ghi)::……

……

Là người tham gia kháng chiến chống Mỹ thuộc đối tượng *(chưa được hưởng chế độ, chính sách (I); B, C, K (II); dân quân, du kích tập trung (III)*:……

……

Thời gian từ ngày…….tháng…….năm……..đến ngày…….tháng……năm…..

Do đơn vị (tổ chức):…… quản lý.

---

[50] Cụm từ "quận, huyện" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP ngày 26 tháng 9 năm 2025 sửa đổi, bổ sung các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Thời gian thực tế tham gia chống Mỹ theo quy định để tính hưởng chế độ là……năm……tháng.

Đã và đang được hưởng chế độ nghỉ hưu, bệnh binh, mất sức lao động hàng tháng (hoặc chưa được hưởng chính sách gì):…… ……

Các giấy tờ liên quan đến thời gian tham gia kháng chiến chống Mỹ để làm cơ sở xét thưởng chế độ là:……

……

Đề nghị cấp trên xem xét và giải quyết cho đối tượng là Ông (Bà)……hoặc thân nhân của Ông (Bà)……được hưởng chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

Biên bản lập thành…….bản, các đại diện có mặt nhất trí cùng ký tên dưới đây:

ĐẠI BIỂU CỰU CHIẾN BINH	**TM. BCH HỘI CỰU CHIẾN BINH**
(Cùng ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu 7A

ỦY BAN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /CV-UB V/v xác nhận và đề nghị đối tượng hưởng chế độ một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg	*……, ngày……tháng……năm 20…*

Kính gửi: .....

Căn cứ vào Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005; Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2005, Thông tư liên tịch số 21/2008/ TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2008 của Bộ Quốc phòng - Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính; Thông tư số /2024/TT-BQP ngày .....tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Căn cứ đề nghị đề nghị của BCH Hội Cựu chiến binh và Hội đồng Chính sách xã (phường),

Ủy ban nhân dân xã (phường).....đã tổ chức xác minh, xét duyệt và niêm yết, thông báo danh sách đối tượng trên các phương tiện thông tin đại chúng để xin ý kiến nhân dân địa phương, sau.....ngày, chúng tôi thấy không có khiếu kiện gì về đối tượng đã xét duyệt, nhất trí xác nhận và đề nghị:

Ông (Bà)..... còn (hay mất).....

Sinh năm.....từ trần.....

Quê quán.....

Nơi thường trú (trường hợp đã từ trần thì không ghi):.....

.....

Là người tham gia kháng chiến chống Mỹ thuộc đối tượng *(chưa được hưởng chế độ, chính sách (I); B, C, K (II); dân quân, du kích tập trung (III)*:.....

Thời gian từ ngày....tháng....năm.....đến ngày.....tháng.....năm....

Do đơn vị (tổ chức):..... .....quản lý.

Tổng thời gian được tính hưởng chế độ một lần là.....năm.....tháng.

(Hồ sơ kèm theo)

Đề nghị cấp trên xem xét và giải quyết cho đối tượng là Ông (Bà).....hoặc thân nhân của Ông (Bà).....được hưởng chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

Biên bản lập thành.....bản, các đại diện có mặt nhất trí cùng ký tên dưới đây:

Nơi nhận:
-
-
-
- Lưu.....

TM. UBND.....

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 7C

ỦY BAN NHÂN DÂN ……	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /CV-UB V/v xác nhận và đề nghị đối tượng hưởng mai táng phí theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg	*……, ngày……tháng……năm 20…*

Kính gửi: ……..

Căn cứ vào Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005; Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2005, Thông tư liên tịch số 21/2008/ TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2008 của Bộ Quốc phòng - Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính; Thông tư số /2024/TT-BQP ngày …….tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Căn cứ đề nghị của[51] BCH Hội Cựu chiến binh và Hội đồng Chính sách xã (phường), Ủy ban nhân dân xã (phường)……..đã tổ chức xét duyệt kỹ hồ sơ đối tượng và nhất trí xác nhận và đề nghị:

Ông (Bà)……Sinh năm……..……

Quê quán……...

Nơi thường trú:……

Là thân nhân của Ông (Bà)……

Đã từ trần ngày……..tháng…….năm……tại……..

Là đối tượng được hưởng chế độ mai táng phí theo theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg.

(*Có hồ sơ kèm theo*)

Đề nghị cấp trên xem xét và giải quyết.

TM. UBND……

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
-
-
-
- Lưu…..

---

[51] Cụm từ "thôn (bản, ấp, tổ dân phố...)... Ban chấp hành" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP ngày 26 tháng 9 năm 2025 sửa đổi, bổ sung các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Mẫu 8A

.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /CV	*……, ngày……tháng……năm 20….*
V/v đề nghị trợ cấp một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg	

Kính gửi: .....

Căn cứ vào Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005; Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2005, Thông tư liên tịch số 21/2008/ TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2008 của Bộ Quốc phòng - Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính; Thông tư số /2024/TT-BQP ngày …….tháng….. năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

……..đề nghị đối tượng có thời gian tham gia kháng chiến chống Mỹ được hưởng chế độ trợ cấp một lần như sau:

- Tổng số đối tượng:……
- Tổng số tiền:……..

(*Bằng chữ:*……)

Trong đó:

1. Đối tượng chưa được hưởng chế độ, chính sách (I):

- Tổng số:…….. Số tiền:……
+ Sống:…… Số tiền:……... ……
+ Từ trần:…… Số tiền:…… ……

2. Đối tượng B, C, K (II):

- Tổng số:…….. Số tiền:…… ……
+ Sống:……Số tiền:……
+ Từ trần:…… Số tiền:……

3. Đối tượng dân quân, du kích tập trung (III):

- Tổng số:…….. Số tiền:…… ……
+ Sống:…… Số tiền:……
+ Từ trần:…… Số tiền:……

Các đối tượng trên đã được xét duyệt theo quy định.

(*Danh sách trích ngang riêng từng loại đối tượng và hồ sơ kèm theo).*

Đề nghị……..xem xét giải quyết.

.....

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
-
-
- Lưu…..

Mẫu này dùng cho từ cấp xã (phường) trở lên

Mẫu 8C

.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /CV	*……, ngày……tháng……năm 20…*
V/v đề nghị giải quyết chế độ mai tháng phí theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg	

Kính gửi: .....

Căn cứ vào Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005; Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2005, Thông tư liên tịch số 21/2008/ TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2008 của Bộ Quốc phòng - Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính; Thông tư số /2024/TT-BQP ngày….. tháng …. năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

……..đề nghị xem xét, giải quyết chế độ mai tháng phí cho các đối tượng có thời gian tham gia kháng chiến chống Mỹ như sau:

- Tổng số đối tượng:…… ……

- Tổng số tiền:…… ……

Các đối tượng trên đã được xét duyệt theo quy định.

(*Danh sách trích ngang và hồ sơ kèm theo).*

Đề nghị……..xem xét giải quyết.

Nơi nhận:
-
-
-
- Lưu…..

……..

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 9A

..... **DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH (I)**

..... **Được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg**

(Kèm theo Công văn đề nghị số.....ngày..... tháng... năm 20..... của.....)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Nơi thường trú	Sống hay đã từ trần	Số năm được hưởng	Mức hưởng (đồng)	Ghi chú

Tổng số đối tượng :.....

Tổng số tiền :.....

Ngày.....tháng..... năm.....

Người lập danh sách

(Ký tên, ghi rõ cấp bậc, hoặc chức vụ)

.....

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 9B

.....

.....

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG B, C, K (II)

Được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg

(Kèm theo Công văn đề nghị số……ngày… tháng…… năm 20…… của……)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Nơi thường trú	Sống hay đã từ trần	Số năm được hưởng	Mức hưởng (đồng)	Ghi chú

Tổng số đối tượng :……

Tổng số tiền :……

Ngày……tháng…… năm……

Người lập danh sách

(Ký tên, ghi rõ cấp bậc, hoặc chức vụ)

……..

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 9C

…… **DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG DÂN QUÂN, DU KÍCH TẬP TRUNG (III)**

…… **Được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg**

(Kèm theo Công văn đề nghị số……ngày…… tháng…… năm 20…… của……)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Nơi thường trú	Sống hay đã từ trần	Số năm được hưởng	Mức hưởng (đồng)	Ghi chú

Tổng số đối tượng :……

Tổng số tiền :……

Ngày……tháng…… năm……

Người lập danh sách

(Ký tên, ghi rõ cấp bậc, hoặc chức vụ)

……..

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 9E

.....

.....

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐỀ NGHỊ CHẾ ĐỘ MAI TÁNG PHÍ

theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg

(Kèm theo Công văn đề nghị số.....ngày..... tháng..... năm 20..... của.....)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Nơi thường trú	Ngày, tháng, năm từ trần	Mức hưởng (đồng)

Tổng số đối tượng :.....

Ngày.....tháng..... năm.....

Lập danh sách

(Ký tên, ghi rõ cấp bậc, hoặc chức vụ)

.....

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu này dùng cho từ cấp xã (phường) trở lên

Mẫu 10A

.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ...	*....., ngày.....tháng.....năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH

Về chế độ trợ cấp một lần đối với đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ

.....

Căn cứ vào Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005; Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ;

Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2005, Thông tư liên tịch số 21/2008/ TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2008 của Bộ Quốc phòng - Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính; Thông tư số /2024/TT-BQP ngày…. tháng ….. năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của……..,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay giải quyết chế độ trợ cấp một lần cho:…… ……đối tượng,

Thuộc đối tượng (I, II, III):…… ……

Với số tiền là……đồng

Bằng chữ : (……)

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. ……..……và ông (bà) có tên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
-
-
-
- Lưu…..

TM. ……..

……..

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 10C

.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ...	*..., ngày.....tháng.....năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH

Thực hiện chế độ mai táng phí đối với đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ

.....

Căn cứ vào Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005; Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ;

Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2005, Thông tư liên tịch số 21/2008/ TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2008 của Bộ Quốc phòng - Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính; Thông tư số /2024/TT-BQP ngày..... tháng..... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay giải quyết chế độ mai táng phí cho:.....đối tượng,

Số tiền :.....

Bằng chữ : (..... .....)

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. .....và thân nhân của đối tượng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
-
-
-
- Lưu.....

TM. .....

.....

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục II[52]

(Kèm theo Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Mẫu 2A-1	Bản khai cá nhân
Mẫu 2B-1	Bản khai thân nhân
Mẫu 3A-1	Bản khai cá nhân
Mẫu 3B-1	Bản khai thân nhân
Mẫu 9B-1	Danh sách đối tượng bổ sung B, C, K (II)
Mẫu 9C-1	Danh sách đối tượng du kích tập trung bổ sung (III)

[52] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 104/2024/TT-BQP thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2024.

Mẫu 2A-1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày ... tháng ... năm 20....

BẢN KHAI CÁ NHÂN
Đề nghị bổ sung hưởng chế độ một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ
(Đối tượng hưởng chế độ B, C, K)

Họ và tên: ..... Bí danh: ..... Nam, nữ: .....

Thuộc đối tượng là (QN, TNXP, cán bộ xã, phường)[53]: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Số định danh cá nhân (CCCD/Căn cước).....

Quê quán: .....

Nơi thường trú: .....

Đơn vị, cơ quan công tác hiện nay (đối với người đang công tác): .....

.....

Đang nghỉ hưu, MSLĐ, TNLĐ hoặc làm công việc gì ở đâu: .....

Cấp bậc, chức vụ, đơn vị trước khi nghỉ: .....

Nhập ngũ (tuyển dụng vào CNVC hoặc thoát ly đối với cán bộ dân chính đảng):

.....ngày...tháng...năm.....

đơn vị (c, d, e, f): .....

Tái ngũ (nếu có) ngày ... tháng ... năm.....

Ngày, tháng, năm đi chiến trường B, C, K: .....

Đơn vị trước khi đi chiến trường B, C, K: .....

Cấp bậc, chức vụ trước khi đi chiến trường B, C, K:.....

Ngày, tháng, năm được đề bạt, bổ nhiệm cấp bậc, chức vụ hưởng lương: .....

Ngày, tháng, năm được giao làm cán bộ xã (phường) .....

---

[53] Cụm từ "công an nhân dân" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP ngày 26 tháng 9 năm 2025 sửa đổi, bổ sung các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Ngày, tháng, năm thôi làm cán bộ xã (phường) .....

Trong thời gian ở chiến trường đã ra miền Bắc:

+ Đi học, công tác (số lần, thời gian): .....

+ Mức lương (hoặc sinh hoạt phí) khi ở miền Bắc: .....

Họ, tên bố: ..... sinh: ..... mất: .....

Họ, tên mẹ: ..... sinh: ..... mất: .....

Nghề nghiệp, nơi thường trú của Bố, mẹ trước 30/4/1975: .....

.....

Họ tên vợ (hoặc chồng): .....

Vợ chồng kết hôn năm: .....

Nghề nghiệp, nơi thường trú của vợ (chồng) trước 30/4/1975: .....

.....

Họ, tên các con:

1- ..... sinh: .....

2- ..... sinh: .....

Các giấy tờ liên quan đến tham gia kháng chiến chống Mỹ còn lưu giữ:

.....

.....

.....

.....

BẢNG KÊ THỜI GIAN CÔNG TÁC, CHIẾN ĐẤU Ở CHIẾN TRƯỜNG B, C, K KỂ TỪ NGÀY NHẬP NGŨ, HOẶC LÀM CÁN BỘ XÃ (PHƯỜNG)

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Cấp bậc, Chức vụ	Đơn vị, địa phương công tác	Địa bàn hoạt động

- Tổng thời gian được tính hưởng chế độ một lần: .....*năm* ..... *tháng.*

- Thời gian đã tính hưởng chế độ một lần: ..... *năm* ..... *tháng.*

- Thời gian còn lại được tính hưởng chế độ một lần: ..... *năm* ..... *tháng.*

Khai tại: .....

Tôi xin cam đoan lời khai trên đây là đúng, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận của cơ quan, hoặc của Ủy ban nhân dân xã (phường)
(Ký tên và đóng dấu)

Người khai
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Mẫu 2B-1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày ... tháng ... năm 20....

BẢN KHAI THÂN NHÂN
Đề nghị bổ sung hưởng chế độ một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ
(Đối tượng hưởng chế độ B, C, K)

1. Phần khai về thân nhân:

Họ và tên: ..... Nam, nữ: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Số định danh cá nhân (CCCD/Căn cước).....

Quê quán: .....

Nơi thường trú: .....

Đơn vị, cơ quan công tác hiện nay: .....

Quan hệ với đối tượng khai dưới đây là: .....

Những người cùng hàng thừa kế gồm: .....

.....

.....

(Kèm theo giấy ủy quyền của các thân nhân cùng hàng thừa kế)

2. Phần khai về đối tượng:

Họ và tên: ..... Bí danh: ..... Nam, nữ: .....

Sinh năm ..... Quê quán: .....

Hy sinh (hoặc từ trần) ngày, tháng, năm: .....

Đơn vị (cơ quan) khi hy sinh (từ trần): .....

Ngày nhập ngũ (tuyển dụng vào CNVC hoặc thoát ly đối với cán bộ dân chính đảng): ...., đơn vị (c, d, e, f): .....

Tái ngũ (nếu có) ngày ... tháng ... năm.....

Đơn vị trước khi đi chiến trường B, C, K: .....

Cấp bậc, chức vụ trước khi đi chiến trường B, C, K: .....

Ngày, tháng, năm *được đề bạt, bổ nhiệm cấp bậc, chức vụ hưởng lương:* .....

Cấp bậc, chức vụ khi hưởng lương: .....

Ngày, tháng, năm làm cán bộ xã (phường):.....

Ngày, tháng, năm thôi làm cán bộ xã (phường).....

Trong thời gian ở chiến trường đã ra miền Bắc:

+ Đi học, công tác (số lần, thời gian): .....

+ Mức lương (hoặc sinh hoạt phí) khi ở miền Bắc: .....

Đơn vị công tác trước khi về gia đình: .....

Cấp bậc, chức vụ khi về gia đình: .....

Họ, tên bố: ..... sinh: ..... mất: .....

Họ, tên mẹ: ..... sinh: ..... mất: .....

Nghề nghiệp, nơi thường trú của bố, mẹ trước 30/4/1975: .....

.....

Họ tên vợ (hoặc chồng): .....

Vợ chồng kết hôn năm: .....

Nghề nghiệp, nơi thường trú của vợ (chồng) trước 30/4/1975: .....

.....

Họ, tên các con:

1- ..... sinh: .....

2- ..... sinh: .....

Các giấy tờ liên quan đến tham gia kháng chiến chống Mỹ còn lưu giữ: .....

.....

.....

.....

BẢNG KÊ THỜI GIAN CÔNG TÁC, CHIẾN ĐẤU Ở CHIẾN TRƯỜNG B, C, K KỂ TỪ NGÀY NHẬP NGŨ, HOẶC LÀM CÁN BỘ XÃ (PHƯỜNG)

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Cấp bậc, Chức vụ	Đơn vị, địa phương công tác	Địa bàn hoạt động

- Tổng thời gian được tính hưởng chế độ một lần: .....*năm* ..... *tháng.*
- Thời gian đã tính hưởng chế độ một lần: ..... *năm* ..... *tháng.*
- Thời gian còn lại được tính hưởng chế độ một lần: ..... *năm* ..... *tháng.*

Khai tại: .....

Tôi xin cam đoan lời khai trên đây là đúng, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận của UBND xã (phường)
(Ký tên và đóng dấu)

Người khai
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Mẫu 3A-1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày ... tháng ... năm ...

BẢN KHAI CÁ NHÂN

Đề nghị bổ sung hưởng chế độ một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ

(Đối tượng du kích tập trung xã, thôn, ấp; lực lượng mật)

Họ và tên: ..... Bí danh ..... Nam, nữ: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Số định danh cá nhân (CCCD/Căn cước).....

Quê quán: .....

Nơi thường trú: .....

Vào Đảng: ..... Chính thức: .....

Thời gian tham gia du kích tập trung, lực lượng mật: .....

.....

Được vào đơn vị (b,c du kích): .....

Do cấp nào quản lý (*ghi rõ):*.....

Về gia đình từ ngày ..... tháng .... năm .....

Đơn vị trước khi về gia đình (b, c, d): .....

.....

Lý do về gia đình: .....

Nghề nghiệp sau khi về gia đình: ..... hiện nay: .....

Đã được khen thưởng tổng kết kháng chiến chống Mỹ: .....

.....

Đã được hưởng chế độ, chính sách gì? .....

.....

Các giấy tờ liên quan đến tham gia kháng chiến chống Mỹ còn lưu giữ:

.....

.....

.....

BẢNG KÊ KHAI THỜI GIAN THỰC TẾ THAM GIA DU KÍCH TẬP TRUNG, LỰC LƯỢNG LÀM NHIỆM VỤ MẬT

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Số tháng	Cấp bậc, Chức vụ	Du kích tập trung, xã, hay thôn, ấp	Đơn vị (c, d, e, f); Cấp quản lý	Địa bàn hoạt động

- Tổng thời gian được tính hưởng chế độ một lần: .....*năm* ..... *tháng.*
- Thời gian đã tính hưởng chế độ một lần: ..... *năm* ..... *tháng.*
- Thời gian còn lại được tính hưởng chế độ một lần: ..... *năm* ..... *tháng.*

Những người biết được quá trình tham gia du kích tập trung, làm nhiệm vụ mật:

1. Họ, tên: .....Nơi ở hiện tại.....

Lý do biết: .....

2. Họ, tên: ..... Nơi ở hiện tại .....

Lý do biết.....

Khai tại: .....

Tôi xin cam đoan lời khai trên đây là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận
của Ủy ban nhân dân (phường)
(Ký tên và đóng dấu)

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 3B-1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày ... tháng ... năm 20....

BẢN KHAI THÂN NHÂN
Đề nghị bổ sung hưởng chế độ một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ

(Đối tượng du kích tập trung xã, thôn, ấp; lực lượng mật)

1. Phần khai về thân nhân:

Họ và tên: ..... Nam, nữ: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Số định danh cá nhân (CCCD/Căn cước).....

Quê quán: .....

Nơi thường trú: .....

Đơn vị, cơ quan công tác hiện nay .....

Quan hệ với đối tượng khai dưới đây là: .....

Những người cùng hàng thừa kế gồm: .....

.....

.....

(Kèm theo giấy ủy quyền của các thân nhân cùng hàng thừa kế)

2. Phần khai về đối tượng:

Họ và tên: ..... Bí danh ..... Nam, nữ: .....

Năm sinh: .....Từ trần.....

Quê quán: .....

Vào Đảng: ..... Chính thức: .....

Thời gian tham gia du kích tập trung, lực lượng mật: .....

Được vào đơn vị: .....

Do cấp nào quản lý (*ghi rõ*): .....

Về gia đình từ ngày ..... tháng .... năm .....

Đơn vị trước khi về gia đình (b, c, d): .....

.....

Nghề nghiệp sau khi về gia đình: ..... hiện nay: .....

Đã được khen thưởng tổng kết kháng chiến chống Mỹ: .....

.....

Đã được hưởng chế độ, chính sách gì? .....

.....

Các giấy tờ liên quan đến tham gia du kích tập trung, làm nhiệm vụ một còn lưu giữ được:.....

.....

.....

BẢNG KÊ KHAI THỜI GIAN THỰC TẾ THAM GIA DU KÍCH TẬP TRUNG, LỰC LƯỢNG LÀM NHIỆM VỤ MẬT

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Số tháng	Cấp bậc, Chức vụ	Du kích tập trung, xã, hay thôn, ấp	Đơn vị (c, d, e, f); Cấp quản lý	Địa bàn hoạt động

- Tổng thời gian được tính hưởng chế độ một lần: .....*năm* ..... *tháng.*

- Thời gian đã được tính hưởng chế độ một lần: ..... *năm* ..... *tháng.*

- Thời gian còn lại được tính hưởng chế độ một lần: ..... *năm* ..... *tháng.*

Những người biết được quá trình tham gia du kích tập trung, làm nhiệm vụ mật:

1. Họ, tên: .....Nơi ở hiện tại .....

Lý do biết: .....

2. Họ, tên: ..... Nơi ở hiện tại.....

Lý do biết.....

Khai tại: .....

Tôi xin cam đoan lời khai trên đây là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận **của Ủy ban nhân dân (phường)** *(Ký tên và đóng dấu)*	**Người khai** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Mẫu 9B-1

.....
.....

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG BỔ SUNG B,C,K (II)
Được hưởng chế độ một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg
(Kèm theo Công văn đề nghị số ..... ngày ..... tháng ..... năm 20 ..... của .....)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Nơi trường trú	Sống hay đã từ trần	Tổng số năm được hưởng	Số năm đã tính hưởng	Số năm còn lại được hưởng	Mức hưởng (đồng)

Tổng số đối tượng: .....

Tổng số tiền: .....

Người lập danh sách
(Ký tên, ghi rõ cấp bậc, hoặc chức vụ)

Ngày ... tháng..... năm .....
.....
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu này dùng cho từ cấp xã (phường) trở lên

Mẫu 9C-1

.....

.....

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG DU KÍCH TẬP TRUNG BỔ SUNG (III)
Được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg
(Kèm theo Công văn đề nghị số ..... ngày ..... tháng ..... năm 20 ..... của .....)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Nơi trường trú	Sống hay đã từ trần	Tổng số năm được hưởng	Số năm đã tính hưởng	Số năm còn lại được hưởng	Mức hưởng (đồng)

Tổng số đối tượng: .....

Tổng số tiền: .....

Người lập danh sách
(Ký tên, ghi rõ cấp bậc, hoặc chức vụ)

Ngày ... tháng..... năm .....
.....
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu này dùng cho từ cấp xã (phường) trở lên